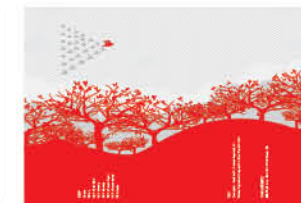




TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRỊ



GIỚI THIỆU

- 06 Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 10 Chúng tôi là ai
- 12 Tầm nhìn & Sứ mệnh
- 14 Chúng tôi là gì
- 16 Hội đồng Quản trị
- 20 Ban Kiểm soát
- 22 Ban Điều hành

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC

- 26 Các chỉ số hoạt động chính
- 28 Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành
- 30 Đánh giá của Phó Tổng Giám đốc Tài chính
- 36 Chiến lược
- 40 Mô hình kinh doanh

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

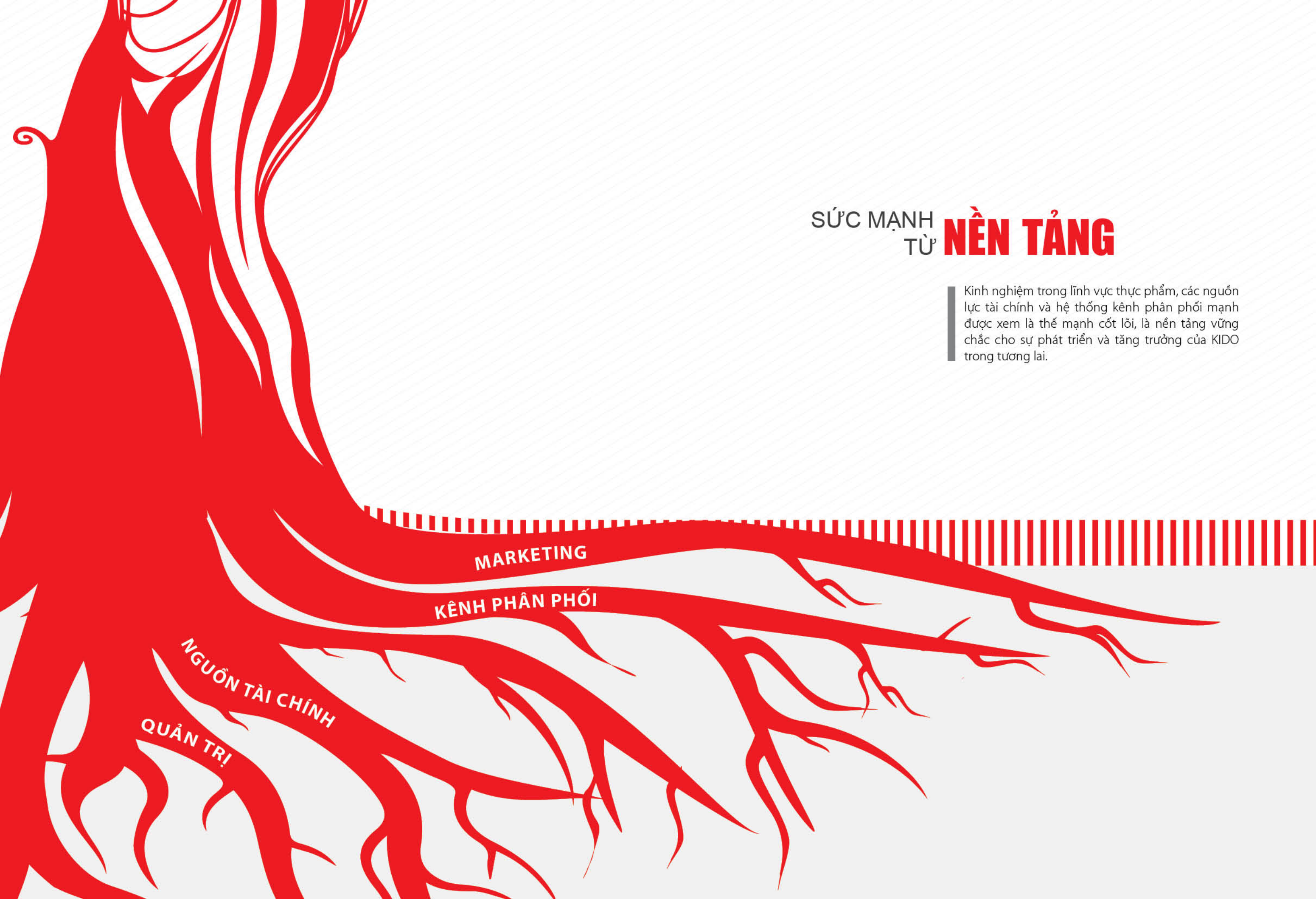
- 48 Cấu trúc quản trị doanh nghiệp
- 50 Quản lý rủi ro
- 54 Báo cáo hợp HĐQT & Nghị quyết HĐQT

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

- 58 Tầm nhìn
- 60 Cam kết

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 66 Thông tin chung
- 68 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 69 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 70 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 72 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 73 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 75 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



SỨC MẠNH TỪ **NỀN TẢNG**

Kinh nghiệm trong lĩnh vực thực phẩm, các nguồn lực tài chính và hệ thống kênh phân phối mạnh được xem là thể mạnh cốt lõi, là nền tảng vững chắc cho sự phát triển và tăng trưởng của KIDO trong tương lai.



**“TIỀM LỰC TÀI CHÍNH,
NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ,
SỰ AM HIỂU KHẨU VỊ
NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT
VÀ NĂNG LỰC THỰC THI
HIỆU QUẢ SẼ TIẾP TỤC
LÀ THỂ MẠNH CỐT LÕI
CỦA TẬP ĐOÀN KIDO.
CHÍNH NHỮNG THỂ
MẠNH CỐT LÕI TRÊN
MÀ CHÚNG TÔI VÔ
CÙNG TỰ TIN VỀ TIỀM
NĂNG PHÁT TRIỂN
LỚN MẠNH CỦA TẬP
ĐOÀN KIDO TRONG
TƯƠNG LAI.”**

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Năm 2016, năm thứ 3 trong quá trình chuyển đổi của Tập đoàn KIDO nhằm mục tiêu mở rộng quy mô kinh doanh, chinh phục thị trường thực phẩm thiết yếu theo đúng chiến lược đã thông qua tại đại hội. Giờ đây, khi nhìn lại chặng đường đã qua, tôi tự hào thông báo với quý cổ đông rằng Tập đoàn đã có những bước tiến lớn trong định hướng chiến lược từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến hiệu quả trong các hoạt động đầu tư.

Thứ nhất, Tập đoàn đã hoàn tất quá trình “Chuyển đổi cơ cấu” (Transformative Change) nhằm phát huy lợi thế cạnh tranh về năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, hệ thống vận hành và tiếp tục củng cố nền tảng cho các mục tiêu phát triển dài hạn. Dựa trên nền tảng, kinh nghiệm trong lĩnh vực thực phẩm và thấu hiểu người tiêu dùng, KIDO luôn lấy nhu cầu của người tiêu dùng làm trọng tâm và tập trung nghiên cứu, sáng tạo ra các sản phẩm để thỏa mãn các nhu cầu thiết yếu đó. Với Ban Điều hành là những thành viên giàu kinh nghiệm trong quản lý điều hành, xây dựng chiến lược, cùng đội ngũ nhân viên nhiệt tâm, tài năng chính là những yếu tố cốt lõi tạo nên thành công của Tập đoàn KIDO. Và đây cũng chính là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn KIDO trong giai đoạn mới.

Thứ hai, Tập đoàn đã thực hiện chuyển đổi và xây dựng thành công mô hình kinh doanh “Thực Phẩm và Gia Vị” hướng đến mở rộng và phát triển bền vững thông qua chiến lược kênh phân phối. Đặc biệt, sau hơn một thập kỷ tiếp nhận và điều hành công ty sản xuất kem và sữa chua, chúng tôi đã phát triển hệ thống dây chuyền sản xuất, công nghệ hiện đại và hoàn toàn “khép kín”. Điều này không chỉ giúp Công ty giữ vững ngôi vị số 1 thị trường kem lạnh mà đây còn là tiền đề vững chắc cho việc mở rộng sang lĩnh vực thực phẩm đông lạnh - một ngành hàng tiềm năng với dư địa kinh doanh rất lớn.

Đồng thời, KDC cũng đã nâng cao vị thế cạnh tranh trong lĩnh vực thực phẩm đóng gói thông qua việc sáp nhập thành công hai thương hiệu đầu ăn hàng đầu tại Việt Nam là Tường An (TAC) và Vocarimex (VOC).

Dựa trên chiến lược tiếp cận có trọng tâm nhằm tìm kiếm cơ hội tăng trưởng, gia tăng giá trị và tối ưu hóa chi phí thông qua các khoản đầu tư, KDC đã có bước phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua. Tiềm lực tài chính, nền tảng quản trị, công nghệ, sự am hiểu khẩu vị người tiêu dùng Việt và năng lực thực thi hiệu quả sẽ tiếp tục là thể mạnh cốt lõi của Tập đoàn KIDO. Chính những thể mạnh trên mà tôi vô cùng tự tin về tiềm năng phát triển lớn mạnh của Tập đoàn chúng ta trong tương lai.

Trong năm 2015, với định hướng trở thành Tập đoàn thực phẩm số 1 tại Việt Nam, KDC đã hiện thực hóa chiến lược từ Chuyển đổi Giá trị sang Hình thành Giá trị. Điều này giúp cho tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều hướng đến việc mang lại giá trị, lợi ích cao nhất cho người tiêu dùng, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống kênh phân phối nhằm cung cấp đúng sản phẩm đến đúng đối tượng khách hàng vào đúng nơi, đúng thời điểm.

Cam kết tối đa hóa giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đã được Tập đoàn hiện thực và điều đó thể hiện thông qua tỷ lệ chia cổ tức. Điều này cũng tiếp tục đặt ra yêu cầu Tập đoàn phải có mức tăng trưởng doanh thu tốt, tăng trưởng về lợi nhuận và ngày càng nâng cao hiệu quả tài chính.

Đến cuối năm 2016, Tập đoàn đã có những bước tiến lớn, doanh số bán hàng đạt được hơn 2.238 tỷ đồng, tăng 24.3% so với kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm đông lạnh tăng 1.7%. Mặc dù đây là những kết quả vượt ngoài sự mong đợi nhưng chúng tôi vẫn tin rằng Tập đoàn chúng ta vẫn có thể làm được tốt hơn thế. Các công ty thành viên của Tập đoàn được định hướng tập trung vào những vấn đề quan trọng nhất để tạo ra giá trị, đảm bảo sự cân bằng tối ưu giữa lợi ích ngắn hạn và tăng trưởng dài hạn. KIDO cam kết sẽ triển khai tất cả những hoạt động để mang lại cho Quý cổ đông, các nhà đầu tư tỷ lệ cổ tức phù hợp và ổn định trong lâu dài.



Trong những năm qua, KIDO thành công vượt bậc trong định hướng phát triển mới cùng những thay đổi mang tầm chiến lược. Với thể mạnh về tài chính và đội ngũ nhân viên nhiệt huyết, có năng lực - đây là những yếu tố quan trọng giúp chúng tôi liên tục sáng tạo, nghiên cứu và tạo ra những dòng sản phẩm đa dạng, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng và là nền tảng cho sự phát triển lâu dài của Tập đoàn. Từ hoạt động sản xuất kinh doanh được đẩy mạnh cùng việc sáp nhập những thương hiệu hàng đầu giúp KDC phát triển về mặt qui mô trong hai lĩnh vực kinh doanh riêng biệt là Thực Phẩm Đông Lạnh và Thực Phẩm Đóng Gói. Với mảng Đông lạnh, KDC sẽ tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành hàng Kem và mở rộng phát triển sang các dòng sản phẩm ngành hàng lạnh.

Trong lĩnh vực Thực Phẩm Đóng Gói, Tập đoàn tiếp tục củng cố vị trí dẫn đầu thị trường dầu ăn bằng các sản phẩm độc đáo. Đây là kết quả của quá trình chuyển đổi tập trung vào đổi mới và thực thi mà KIDO đã theo đuổi. Với việc kết hợp hai doanh nghiệp lớn trong ngành Dầu ăn vào Tập đoàn giúp KDC nâng cao lợi thế cạnh tranh và phát huy tiềm năng hiện có, đưa KIDO trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam, hiện thực hóa tham vọng lấp đầy gian bếp Việt bằng những sản phẩm tiêu dùng mang thương hiệu KIDO.

Để đạt được mục tiêu đề ra, nguồn lực quan trọng nhất mà Tập đoàn hiện có là đội ngũ CBCNV tận tâm và có chung một định hướng. Với sự đam mê và sáng tạo không ngừng nghỉ, đội ngũ nhân viên đã nghiên cứu và đưa ra thị trường hàng loạt các sản phẩm mới, độc đáo, được người tiêu dùng tin tưởng và ủng hộ. Mỗi phòng ban, cá nhân đều đóng góp vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị của toàn Tập đoàn. Cam kết trong hiệu quả hoạt động và nỗ lực tạo ra những sản phẩm mang lại lợi ích tốt nhất cho người tiêu dùng của toàn thể cán bộ công nhân viên không chỉ góp phần tạo nên thành công của KIDO mà còn giúp cho Tập đoàn khẳng định được vị thế của mình trên thị trường.

Với sự tham gia của TAC và VOC, Đại gia đình KIDO đã phát triển mạnh cả về quy mô, năng lực sản xuất, quản lý vận hành. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong quá

VỚI VIỆC KẾT HỢP HAI DOANH NGHIỆP LỚN TRONG NGÀNH DẦU ĂN VÀO TẬP ĐOÀN GIÚP KDC NÂNG CAO LỢI THẾ CẠNH TRANH VÀ PHÁT HUY TIỀM NĂNG HIỆN CÓ, ĐƯA KIDO TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG LỚN NHẤT TẠI VIỆT NAM, VÀ HIỆN THỰC HÓA THAM VỌNG LẤP ĐẦY GIAN BẾP VIỆT BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM TIÊU DÙNG DƯỚI THƯƠNG HIỆU KIDO.

trình hội nhập từ văn hóa đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên. Trong tương lai, sự tăng trưởng của Tập đoàn sẽ tiếp tục dựa trên quy mô và sự nhạy bén với thị trường, được dẫn dắt bởi đội ngũ lãnh đạo tài năng, nhiều kinh nghiệm. Theo đó, thông điệp “Design for Success - Thiết Kế Cho Thành Công” được đưa vào vận hành như nền tảng cho việc kết hợp nhiều phương thức quản trị, thực thi khác nhau trong Tập đoàn, giúp tất cả các thành viên nhanh chóng thích nghi và chuẩn bị cho bước phát triển mạnh hơn trong giai đoạn tiếp theo. Và với tất cả những điều này, tôi tin rằng Tập đoàn chúng ta sẽ nhanh chóng đạt được những thành công như mong đợi.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, một lần nữa, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông đã luôn tin tưởng, ủng hộ và gắn bó cùng chúng tôi trong suốt những năm qua. Đặc biệt là quý khách hàng, các đối tác kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân viên vì sự ủng hộ, hợp tác bền chặt cùng Tập đoàn. Sự ủng hộ này giúp chúng tôi thêm tự tin tiếp tục mục tiêu chinh phục thị trường “Thực Phẩm và Gia Vị” mà Tập đoàn đang theo đuổi.

Chúc tất cả các quý vị một năm thành công, thịnh vượng, và mong đợi được tiếp tục đồng hành cùng tất cả các quý vị trong suốt những chặng đường tiếp theo.

TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO

CƠ CẤU TẬP ĐOÀN

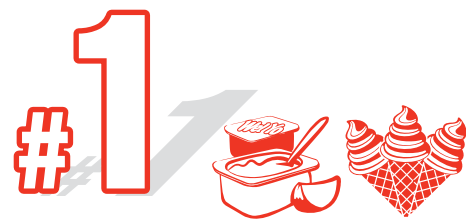
Đơn vị kinh doanh	Tỷ lệ % trong tổng doanh thu của Tập đoàn năm 2016
Dầu ăn	34,7%
Kem	45,3%
Sữa chua	15,9%
Thực phẩm Đông lạnh	0,9%
Các sản phẩm khác	3,2%

CHÚNG TÔI LÀ AI

Là công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống tiêu dùng

KDC LÀ MỘT CÔNG TY SẢN XUẤT THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG TIÊU DÙNG CÓ VỊ THẾ ÁP ĐẢO SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG CÙNG LĨNH VỰC. KDC MONG MUỐN MANG ĐẾN CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG NHỮNG TRẢI NGHIỆM THỰC VỀ HƯƠNG VỊ, DINH DƯỠNG, CŨNG NHƯ MANG ĐẾN NHIỀU HƠN SỰ LỰA CHỌN CHO KHÁCH HÀNG.

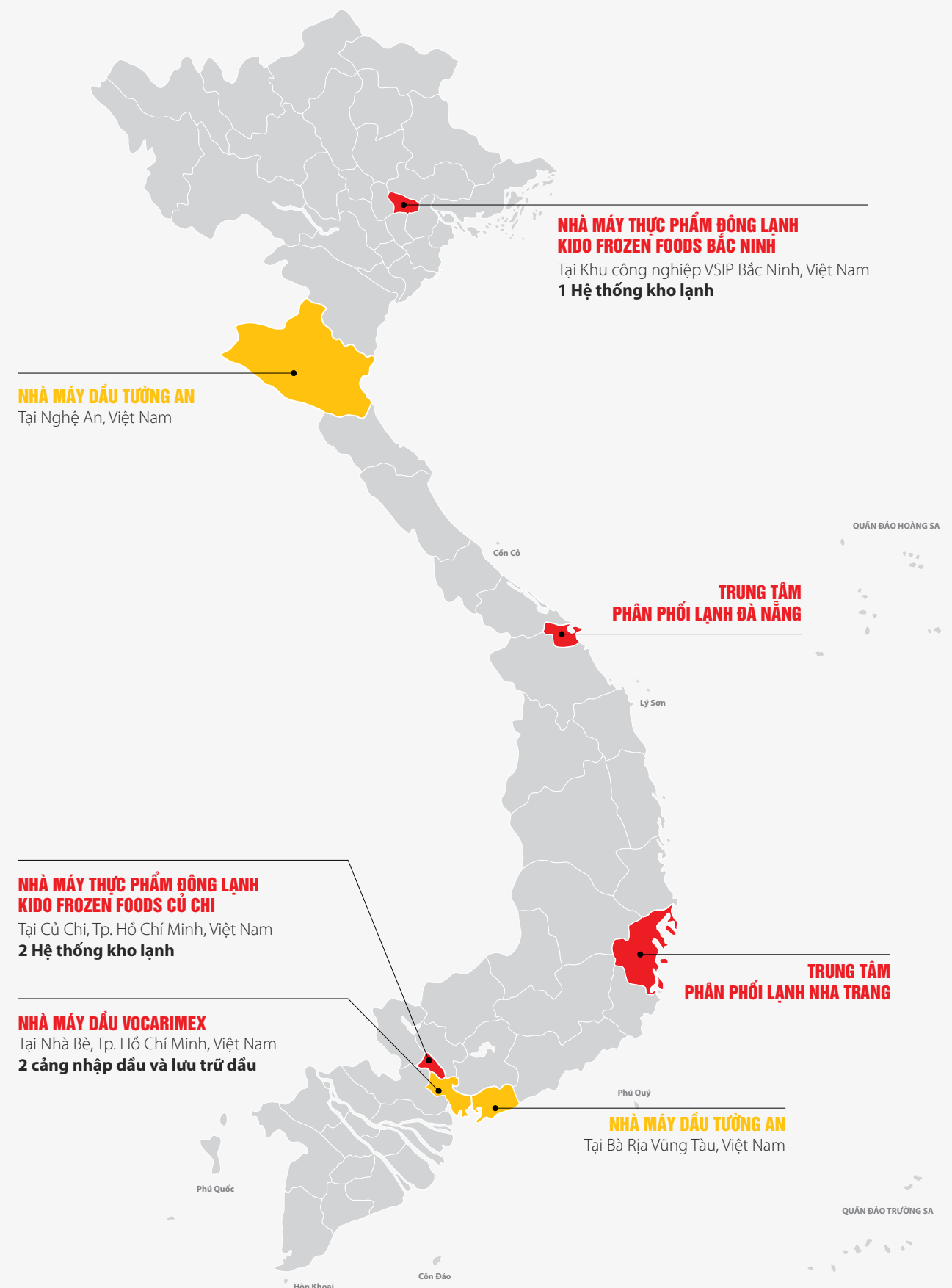
VỊ TRÍ TRÊN THỊ TRƯỜNG



**KEM & SẢN PHẨM
TRÁNG MIỆNG**

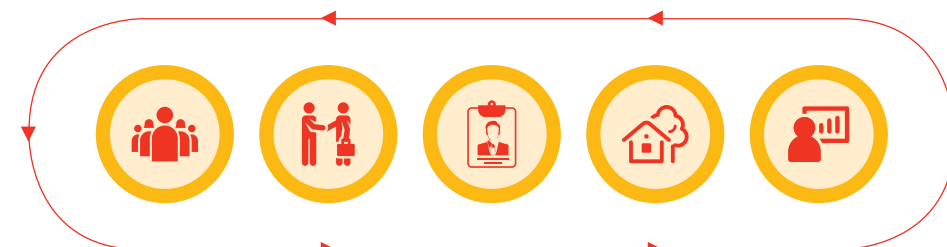


DẦU ĂN



THÊM HƯƠNG VỊ CHO CUỘC SỐNG

TRỞ THÀNH MỘT TẬP ĐOÀN THỰC PHẨM UY TÍN TẠI VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á THÔNG QUA VIỆC MANG THÊM NHIỀU HƯƠNG VỊ ĐẾN CHO KHÁCH HÀNG BẰNG NHỮNG SẢN PHẨM AN TOÀN, DINH DƯỠNG, TIỆN LỢI VÀ ĐỘC ĐÁO.



NGƯỜI TIÊU DÙNG



Sứ mệnh của KIDO đối với người tiêu dùng là tạo ra những sản phẩm phù hợp, tiện dụng bao gồm các loại thực phẩm thông dụng, thiết yếu, các sản phẩm bổ sung và đồ uống. Chúng tôi cung cấp các thực phẩm an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, tiện lợi và độc đáo cho tất cả khách hàng để luôn giữ vị trí tiên phong trên thị trường thực phẩm.

ĐỐI TÁC



Với đối tác, sứ mệnh của KIDO là tạo ra những giá trị bền vững cho tất cả các thành viên trong chuỗi cung ứng thông qua các sản phẩm đầy tính sáng tạo. Chúng tôi hướng tới mức lợi nhuận hài hòa cho các bên, cải tiến các quy trình cho chất lượng và năng suất để tạo sự phát triển bền vững.

NHÂN VIÊN



Chúng tôi luôn ươm mầm và tạo mọi điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu và kỳ vọng trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, sự toàn tâm và lòng nhiệt huyết của nhân viên. Vì vậy KIDO luôn có một đội ngũ nhân viên năng động, sáng tạo, trung thành, có khả năng thích nghi cao và đáng tin cậy.

CỘNG ĐỒNG



Để góp phần phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chúng tôi chủ động tạo ra, đồng thời tích cực tham gia và đóng góp cho những chương trình hướng đến cộng đồng và xã hội. Chúng tôi hướng đến trở thành tổ chức tiên phong cho sự phát triển của xã hội và mang tính cộng đồng cao.

CỔ ĐỒNG



Với cổ đông, sứ mệnh của KIDO là phân bổ vốn để tối đa hóa giá trị cho cổ đông trong dài hạn và quản trị rủi ro để tạo sự ổn định và vững tin với các khoản đầu tư đem lại lợi ích mong đợi của cổ đông.

CHÚNG TÔI LÀ GÌ (3P)



Chúng tôi đã thâm nhập vào lĩnh vực dầu ăn đầy hấp dẫn tại Việt Nam thông qua thương vụ đầu tư mang tính chiến lược đối với Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam (Vocarimex) - là công ty dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu, và Tường An (TAC) - công ty dầu ăn lớn thứ hai tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng là doanh nghiệp sản xuất Kem hàng đầu tại Việt Nam và đang trong quá trình mở rộng sang lĩnh vực thực phẩm đông lạnh (KIDO Frozen Foods - KDF). Kết hợp các yếu tố trên, chúng tôi chính là Tập đoàn thực phẩm tiêu dùng tích hợp. Trong khi câu trả lời cho “Chúng tôi là ai” chỉ giản đơn như vậy, thì với câu hỏi “Chúng tôi là gì” có thể có nhiều câu trả lời khác nhau. Qua quá trình kinh doanh, chúng tôi định nghĩa bản thân mình bằng những từ ngữ rất đơn giản, đó chính là 3 yếu tố: Con người, Nền tảng, Sản phẩm. Chính các yếu tố này đã giúp chúng tôi định hướng được những thay đổi lớn về nội tại, cũng như giúp chúng tôi vượt qua những thách thức trên thị trường thực phẩm tiêu dùng. KIDO vẫn đang tiếp tục phát triển dựa trên định nghĩa căn bản này và khẳng định rằng triết lý Con người, Nền tảng, Sản phẩm đã và sẽ tiếp tục là những thành tố quan trọng cho thành công của chúng tôi.

CON NGƯỜI là trung tâm

KIDO luôn tập trung vào yếu tố con người: Từ người tiêu dùng, các thành viên tham gia vào quá trình sản xuất, cung ứng sản phẩm, đến các đối tác kinh doanh, các cổ đông đã đồng hành cùng với KIDO. Chúng tôi luôn cân bằng trong mối quan hệ với các đối tác. Có thể nói rằng, con người là yếu tố quan trọng trong sự thành công của KIDO và là bộ gen DNA tạo nên Tập đoàn. Chiến lược con người chính là yếu tố mang đến sự thành công của KIDO. Chúng tôi duy trì việc hỗ trợ và phát triển thể hệ lãnh đạo mới gồm những thành viên sẽ đảm đương những vị trí độc lập và quan trọng trong Tập đoàn. Chúng tôi xem mỗi thành viên như một chủ doanh nghiệp và những thành viên này có quyền tự quyết trong việc thiết lập mối quan hệ đối tác cả bên trong và ngoài Công ty nhằm thúc đẩy doanh nghiệp tiếp tục phát triển.

Chuẩn hóa NỀN TẢNG

Để quản lý và hợp nhất một doanh nghiệp có phạm vi hoạt động kinh doanh rộng, chúng tôi phải có các hệ thống, qui trình được chuẩn hóa, xác định rõ ràng nhiệm vụ. Sự thành công của doanh nghiệp được xác định bởi khả năng thực thi, phối hợp của các đơn vị trong toàn Tập đoàn. Và điều này đòi hỏi các quy trình triển khai đều được thấu hiểu và được các thành viên phối hợp tốt. KIDO đã làm được điều này nhờ vào các nền tảng tích hợp mà chúng tôi đã trải qua 5 năm để hoàn thiện. Các nền tảng về tổ chức và hoạt động sẽ giúp Tập đoàn tăng cường tính hợp tác và hỗ trợ thực thi chiến lược cũng như các hoạt động nhằm thúc đẩy tăng trưởng và lợi nhuận.

Cải tiến SẢN PHẨM

Năng lực sản phẩm là yếu tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp và đổi mới, sáng tạo là giá trị cốt lõi cho chiến lược phát triển trong tương lai của KIDO. Mục tiêu chinh phục gian bếp của người tiêu dùng Việt mà KIDO hướng đến phụ thuộc rất nhiều vào việc tạo ra một danh mục sản phẩm phù hợp đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Kinh nghiệm cùng với sự thấu hiểu khách hàng tích lũy trong suốt hơn hai thập kỷ qua đã giúp chúng tôi tạo ra các sản phẩm và thương hiệu thành công trên thị trường. Trong thời gian qua, KIDO cũng đã tiến thêm một bước lớn trong việc tạo lập ra một dòng sản phẩm tiện lợi mang tính giải pháp cao cho người tiêu dùng. Các sản phẩm, dòng sản phẩm, và thương hiệu này phản ánh khả năng am hiểu thị trường của chúng tôi, và cũng là những giá trị mà KIDO tin tưởng, đó là các sản phẩm an toàn, dinh dưỡng và tốt cho sức khỏe.



ÔNG TRẦN KIM THÀNH

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn

Đồng sáng lập Tập đoàn KIDO (tiền thân là Công ty Kinh Đô), ông Thành đóng vai trò then chốt trong các chiến lược phát triển của Tập đoàn, ông đã dẫn dắt KIDO trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm lớn nhất Việt Nam. Ông là một doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh.

Bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông Thành còn là thành viên ban quản trị của một loạt các tập đoàn khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



ÔNG TRẦN LỆ NGUYÊN

Đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị &
Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn.

Là doanh nhân thành đạt với hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc thành lập và mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ông Nguyên là thành viên đồng sáng lập Tập đoàn KIDO (tiền thân là Công ty Kinh Đô). Dưới sự điều hành của mình, ông đã dẫn dắt KIDO trở thành một trong các thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, sở hữu danh mục các sản phẩm phong phú và chiếm lĩnh trên thị trường.

Ông Nguyên cũng là Ủy viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ chức vụ quan trọng trong các công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



BÀ VƯƠNG BỬU LINH

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT &
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Là một trong các đồng sáng lập viên, bà Linh hiện là Thành viên HĐQT và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Bà đã góp phần dẫn dắt doanh nghiệp vượt qua giai đoạn mở rộng qui mô và nằm trong đội ngũ những người đầu tiên xây dựng nên một trong các doanh nghiệp thực phẩm lớn nhất Việt Nam.

Nhờ kinh nghiệm và hiểu biết sâu sắc trong lĩnh vực quản lý, điều hành chuỗi cung ứng, bằng việc quản lý chi phí, đảm bảo chất lượng và nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, bà Linh đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Tập đoàn KIDO. Bà Linh là “kiến trúc sư” trưởng trong việc triển khai hệ thống ERP (Hoạch định Tài nguyên Doanh nghiệp) trong Tập đoàn KIDO, nhằm tăng cường khả năng của Tập đoàn trong việc ra các quyết định kịp thời và chính xác. Bên cạnh năng lực quản lý chuyên sâu, bà còn có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư giáo dục.



BÀ VƯƠNG NGỌC XIÊM

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT &
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Là một trong các thành viên sáng lập, bà Xiêm hiện là Thành viên HĐQT và là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO. Với trên 20 năm kinh nghiệm điều hành kinh doanh chuỗi bán lẻ và nhượng quyền chuỗi cửa hàng Kinh Đô Bakery, bà đã có những đóng góp quan trọng vào quá trình quản lý và điều hành doanh nghiệp từ những ngày mới thành lập.

Với kinh nghiệm và cách tiếp cận thực tế của mình, bà giữ vai trò chủ chốt trong đội ngũ quản lý, đóng góp to lớn vào sự phát triển và thành công của Tập đoàn KIDO.



ÔNG WANG CHING HUA

Đồng sáng lập, Thành viên HĐQT &
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Wang có hơn 23 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm. Ông là một trong các sáng lập viên đặt nền móng cho các hoạt động sản xuất của KIDO. Ông cũng góp phần vào việc mở rộng quy mô sản xuất của KIDO ở Việt Nam. Hiện ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn.



ÔNG TRẦN QUỐC NGUYÊN

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn &
Tổng Giám đốc Điều hành KIDO Frozen Foods

Ông Nguyên có hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các công ty thành viên thuộc Tập đoàn KIDO và ông hiện là Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn. Ông Nguyên đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng trong Tập đoàn và hiện nay cũng đảm nhận vai trò Tổng Giám đốc Điều hành KIDO Frozen Foods. Trong cương vị này, ông đã góp phần quan trọng vào sự phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mảng thực phẩm đông lạnh. Ông đóng góp vào việc phát triển danh mục sản phẩm, từ kem, các sản phẩm từ sữa cho đến thực phẩm đông lạnh, cũng như mở rộng kênh phân phối để đưa Công ty trở thành doanh nghiệp có hệ thống phân phối sản phẩm đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Ông là người có vai trò lớn trong việc xây dựng hai thương hiệu kem lớn nhất tại Việt Nam.



ÔNG NGUYỄN GIA HUY CHƯƠNG

Thành viên HĐQT

Ông Chương là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Ông Chương tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại trường Luật Bristol (Đại học Tây Anh Quốc - UWE), Vương quốc Anh. Ông Chương là người đồng sáng lập và hiện là Giám đốc kiêm Luật sư Điều hành của Công ty Luật Phuoc & Partners.



ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN

Thành viên HĐQT

Ông Thuận là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO. Là Tiến sỹ Kinh tế, ông Thuận hiện là Trưởng khoa Thuế - Hải quan, Đại học Tài chính - Marketing. Ông có hơn 31 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính. Bên cạnh công việc chuyên môn tại trường đại học, ông cũng là cố vấn tài chính cho các công ty và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.



ÔNG NGUYỄN ĐỨC TRÍ

Thành viên HĐQT

Ông Trí là Thành viên HĐQT độc lập của Tập đoàn KIDO từ năm 2013. Là Tiến sỹ chuyên ngành Quản lý Kinh doanh tại Đại học Công nghệ Nanyang ở Singapore, ông Trí đã làm việc cho một công ty sản xuất đường thuộc Bộ Nông nghiệp và tham gia giảng dạy tại Đại học Trident (California, Hoa Kỳ), Khoa Kinh tế tại Đại học Risho (Tokyo, Nhật Bản), và Đại học Kinh tế TP. HCM. Từ ngày 01/09/2016, ông được bổ nhiệm vào vị trí Phó Giáo sư tại trường Đại học Khoa học Ứng dụng Stenden, Hà Lan.

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG LƯƠNG QUANG HIẾN

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Hiến có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản lý và giao dịch tài chính. Trong thời gian 13 năm làm việc tại KIDO, từ năm 1999 - 2011, ông đã tham gia vào việc quản lý tài chính, quan hệ với đối tác, cũng như tham gia vào một loạt các thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) và các dự án tái cấu trúc. Ngoài vị trí Trưởng Ban Kiểm soát của KIDO, ông Hiến cũng là thành viên Ban Kiểm soát của nhiều công ty và quỹ đầu tư như VEOF, Savico, và Tập đoàn Tafoco.

Ông Hiến tốt nghiệp Đại học Ngoại thương TP. HCM và có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Washington State, Hoa Kỳ.



BÀ LƯƠNG MỸ DUYÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Duyên bắt đầu làm việc cho KIDO từ năm 1993 và đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng bao gồm Phó Phòng Kế toán và Kế toán trưởng của KIDO. Từ năm 2006, bà Duyên nắm vị trí Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bất động sản KIDO.

Bà tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính Kế toán.



ÔNG VÕ LONG NGUYÊN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyên có bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị Doanh nghiệp. Ông cũng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép quản lý quỹ. Là một trong những người tham gia môi giới chứng khoán đầu tiên trên thị trường chứng khoán OTC ở Việt Nam, ông Nguyên có hơn 18 năm kinh nghiệm trong việc đầu tư tài chính.





ÔNG KELLY WONG

Phó Tổng Giám đốc Tài chính &
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Kelly Wong đã gắn bó với KIDO từ năm 2011 và đã nắm giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc Tài chính của Tập đoàn, quản lý tài chính, kế toán và các hoạt động đầu tư. Đến Việt Nam từ hơn 10 năm qua, ông đã trải qua nhiều vị trí liên quan đến tài chính.

Ông Wong có bằng Cử nhân Thương mại tại Đại học British Columbia ở Vancouver, Canada. Ông cũng tốt nghiệp chương trình Quản lý Châu Á tại Viện Quản lý McRae thuộc Đại học Capilano, Canada.



BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn &
Tổng Giám đốc Vocarimex

Bà Liễu là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (Vocarimex). Bà Liễu đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO giám sát kinh doanh mảng dầu ăn. Bà có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài Chính Ngân Hàng và hơn 21 năm nắm giữ các vị trí quan trọng về Quản lý tín dụng, Ngân Hàng Tài Chính tại Ngân Hàng Công Thương VN - Ngân hàng Thương mại hàng đầu tại Việt Nam.

Bà Liễu tốt nghiệp Cử nhân và Cao học, đồng thời bà Liễu còn bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sỹ Kinh tế tại trường Đại học Kinh tế TP. HCM. Bà đã vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2010, Huân chương Lao động hạng Ba vào năm 2012 cùng bằng khen của các Bộ và nhiều thành tích nổi bật khác.



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Bà Hạnh là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn và là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Bà có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bán lẻ và kinh doanh. Trước khi gia nhập KDC, bà Hạnh từng là Tổng Giám đốc Saigon-Coop, Chủ tịch HĐQT của SCID, Thành viên HĐQT của Saigon Co-op Fair Price LLC và Saigon Co-op Mappletree LLC.

Trải qua nhiều vị trí khác nhau với nhiều kinh nghiệm thực tế, bà Hạnh là một tên tuổi lớn trong ngành bán lẻ tại Việt Nam. Bà đã được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng 2, Giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Giải thưởng Bông Hồng Vàng.



ÔNG MÃ THANH DANH

Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn

Ông Danh giám sát việc quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cho Tập đoàn. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trong quản lý chiến lược kinh doanh, tư vấn quản lý thương hiệu, và tư vấn Mua bán và Sáp nhập (M&A).

Ông có bằng Cử nhân Kỹ sư Điện, Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Chiến lược Kinh doanh Quốc tế và Quản lý Thương hiệu tại Vương quốc Bỉ. Hiện ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Công ty Tư vấn và Đầu tư CIB.



TĂNG TRƯỞNG TỪ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Nền tảng của KDC gắn liền với sự phát triển của mỗi bộ phận kinh doanh. KDC đóng vai trò chiến lược trong việc dẫn dắt chiến lược tăng trưởng.

KINH NGHIỆM QUẢN TRỊ 23 NĂM
NĂNG LỰC TÀI CHÍNH ĐỐI ĐÀO

HỆ THỐNG MARKETING MẠNH
KÊNH PHÂN PHỐI MẠNH VÀ RỘNG KHẮP



SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHÚNG TÔI

CHIẾN LƯỢC: LỢI NHUẬN CỔ ĐỒNG

Tổng mức sinh lời (TSR) cung cấp một thước đo liên quan đến thị trường về sự tiến triển của Tập đoàn với mục tiêu mang lại giá trị lâu dài cho các cổ đông của chúng tôi. TSR đo lường tổng lợi nhuận cho cổ đông của KDC, bao gồm cả việc tăng giá cổ phiếu và cổ tức đã trả.

CHỈ SỐ GIÁ CỔ PHIẾU ĐIỀU CHỈNH (2012 = 100%)



Tập đoàn KIDO (HOSE:KDC) - Giá cổ phiếu điều chỉnh

Nguồn: Capital IQ



LÀ CEO TẬP ĐOÀN, TÔI VÔ CÙNG TỰ HÀO VỀ BAN ĐIỀU HÀNH GỒM NHỮNG NHÀ LÃNH ĐẠO TÀI BA, CÓ KINH NGHIỆM VÀ LUÔN CÓ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH THỰC THI MANG LẠI HIỆU QUẢ CAO CÙNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN NHIỆT TÂM VỚI CÔNG VIỆC.

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Trong năm qua, chúng tôi đã đưa ra một số quyết định kinh doanh quan trọng trong quá trình chuyển đổi thực hiện chiến lược thâm nhập ngành hàng “Thực Phẩm & Gia Vị”. Nhìn vào bối cảnh thị trường, chúng ta có thể nhận thấy sự thay đổi rõ rệt trong môi trường cạnh tranh khắc nghiệt. KDC cũng đã có những thay đổi đáng kể để đáp ứng được nhu cầu người tiêu dùng trong xu hướng hiện đại cũng như thay đổi trong thói quen và phong cách sống. Và hiện tại, xã hội Việt Nam đang đứng trước quá trình chuyển đổi hoàn toàn khác biệt so với những gì đã diễn ra trước đây.

Trong bối cảnh xã hội có nhiều biến đổi, vấn đề quan trọng nhất là phải kiên trì với chiến lược theo đuổi, thúc đẩy hiệu suất trong ngắn hạn đồng thời đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược dài hạn.

KIDO đã có những bước đi mang tính quyết định để tiến gần hơn đến mục tiêu trở thành một trong những tập đoàn thực phẩm hàng đầu Việt Nam. Tiếp tục phát triển và đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm mang thương hiệu Đại Gia Đình, KIDO đã tung ra thị trường một loạt các sản phẩm đầu ăn được người tiêu dùng đón nhận. Năm qua KDC cũng đã có những bước tiến quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thâm nhập thị trường thực phẩm đóng gói. Đến cuối năm, KDC đã hoàn tất mục tiêu sáp nhập TAC. Việc mua lại thương hiệu Tường An sẽ giúp Tập đoàn tăng trưởng mạnh trong những năm tiếp theo, đồng thời thiết lập lộ trình vững chắc cho chiến lược thống lĩnh thị trường ngành hàng “Thực Phẩm & Gia Vị”. Hiện nay, với sự hỗ trợ và tham gia quản lý điều hành từ KDC, VOC vẫn đang trên đà thay đổi và ngày càng hoàn thiện với nhiều thành quả đáng ghi nhận. KDC kỳ vọng sẽ hoàn tất việc hợp nhất VOC trong quý 2 năm nay. Với việc kết hợp này, KDC sẽ trở thành một trong những công ty sản xuất đầu ăn lớn nhất tại Việt Nam, và ước tính chiếm hơn 30% thị phần ngành hàng.

Với thành quả đã đạt được, có thể nói KDC đã xây dựng nền móng vững chắc cho bước phát triển dài hạn. Cùng tiềm lực tài chính lớn mạnh, đội ngũ nhân viên nhiệt huyết KDC sẽ phát huy tối đa năng lực của mình và mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, các cổ đông. Ngoài những thay đổi mang tính chiến lược trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm đóng gói, KIDO tiếp tục đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh thực phẩm đông lạnh.

Năm 2016, ngành hàng lạnh tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng 30,8%, trong đó sản phẩm kem tăng trưởng 36,7%, sữa chua đạt mức tăng trưởng 11,7%. Doanh thu và lợi nhuận đạt mức cao nhất từ trước đến nay, lần lượt là 1.397 tỷ đồng và 143 tỷ đồng. Lãi ròng sau thuế chiếm 10,2%. Và đặc biệt, KIDO tiếp tục dẫn đầu thị trường kem lạnh với thị phần 35%. Với tầm nhìn chiến lược và tiềm năng của ngành thực phẩm đông lạnh, KIDO đã đầu tư và khánh thành nhà máy sản xuất tại Bắc Ninh, hoàn thành mục tiêu thiết lập hệ thống sản xuất ngành hàng lạnh trên toàn quốc, góp phần quan trọng vào quá trình tăng trưởng liên tục của Tập đoàn.

Với sự tham gia của tất cả các công ty thành viên trong Tập đoàn, năm 2017 sẽ diễn ra quá trình tái cấu trúc về nguồn lực. Với 3 giá trị cốt lõi - Con người, Nền tảng, Sản phẩm - chúng tôi đảm bảo rằng những thay đổi trong quản lý vận hành đều được

thực thi thấu đáo và hiệu quả. Con người là tài sản lớn nhất mà chúng tôi luôn trân trọng, KIDO cũng không ngừng đẩy mạnh hoạt động đào tạo, huấn luyện để nâng cao chất lượng của đội ngũ. Nền tảng vững chắc mà chúng tôi xây dựng sẽ tạo ra tính nhất quán trong việc hợp nhất sức mạnh của các thành viên trong Đại gia đình KIDO vào các quy trình kinh doanh hiện có. Sản phẩm đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại giá trị hiệu quả của các hạng mục đầu tư và KIDO cũng đã triển khai những kế hoạch dài hạn cho việc phát triển các dòng sản phẩm có tác động đáng kể đến kế hoạch tăng trưởng trong tương lai.

Ba giá trị cốt lõi sẽ là kim chỉ nam cho chiến lược tăng trưởng của KIDO. Ngoài việc tập trung vào thị trường trong nước, chúng tôi hướng đến việc mở rộng ra thị trường quốc tế, nắm bắt các cơ hội gia tăng lợi nhuận và xây dựng vị thế dựa trên năng lực và quy mô của nền kinh tế Đông Nam Á, khi mức tiêu dùng và dự báo kinh tế với tiềm năng tăng trưởng cao. Về cơ bản, chiến lược toàn cầu hóa của chúng tôi sẽ tập trung vào hợp tác chiến lược và mua bán sáp nhập. KIDO sẽ kết hợp với những đối tác nhằm gia tăng kinh nghiệm và năng lực để đa dạng hóa danh mục sản phẩm và phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng ngày một nâng cao. Thêm vào đó, chúng tôi cam kết theo đuổi chiến lược M&A để đưa sản phẩm gần hơn đến người tiêu dùng và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Là CEO Tập đoàn, tôi vô cùng tự hào về Ban Điều hành gồm những nhà lãnh đạo tài ba, có kinh nghiệm và luôn có những định hướng chiến lược, kế hoạch thực thi mang lại hiệu quả cao cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tâm với công việc. Tại KIDO, nhân viên được tạo điều kiện để làm việc trong một môi trường hợp tác và văn hóa tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ nhau. Bên cạnh đó, việc khuyến khích để nhân viên sáng tạo, tư duy và thử sức với những ý tưởng mới lạ sẽ giúp nâng cao hiệu quả công việc. Đó là lý do vì sao chúng tôi gọi đây là một cuộc chuyển giao mang tính chiến lược. Đội ngũ nhân sự của Tập đoàn là một phần quan trọng trong quá trình chuyển giao này và chúng tôi đánh giá cao sự gắn bó và đóng góp của tất cả thành viên vào thành công chung của cả Tập đoàn.

Hướng về phía trước, tôi tin tưởng rằng chúng ta đã sẵn sàng để cùng nhau vượt qua mọi thách thức. Hành động mang tính quyết định mà chúng tôi đã thực hiện trong năm qua và những thành công trong quá trình chuyển đổi đã tiếp thêm nguồn lực để cùng nhau hướng đến các cơ hội tăng trưởng lớn hơn của tập đoàn, hoàn thành mục tiêu chiếm lĩnh vị trí số 1 thị trường “Thực Phẩm & Gia Vị”.

Tôi tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của KIDO trong tương lai và cũng đặt niềm tin lớn lao vào đội ngũ nhân sự của Tập đoàn - tất cả những thành viên đã tận tâm góp sức để đưa KDC trở thành Tập đoàn vững mạnh như hiện nay.

Cảm ơn CBCNV, Người tiêu dùng, Quý cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, nhà phân phối đã đồng hành cùng KIDO trong thời gian qua và mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của Quý vị trong chặng đường phát triển mới.

TRẦN LỆ NGUYỄN

Tổng Giám đốc Điều hành Tập đoàn KIDO

**NĂM THỨ BA
LIÊN TIẾP, VIỆT NAM
ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TỐC ĐỘ
TĂNG TRƯỞNG
TRÊN 6,0% TRONG
NĂM 2016**



Trong bối cảnh thay đổi chính trị và những thay đổi toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển tương đối ổn định so với các nước khác trên thế giới. Năm thứ ba liên tiếp, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng trên 6,0% trong năm 2016. Ngành sản xuất và dịch vụ vẫn là đầu tàu kinh tế, lần lượt tăng 11,9% và 7,0%. Nông nghiệp là ngành kém năng động nhất với mức tăng trưởng chỉ 1,3%, chủ yếu do ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết không thuận lợi. Giá trị đồng Việt Nam giảm 1,2% trong năm 2016 so với 5,0% vào năm 2015. Cán cân thương mại đã kết thúc năm ở mức thặng dư khoảng 1,4% GDP sau một thời gian dài thâm hụt từ năm 2010.

Trên toàn cầu, năm 2016 là một năm đầy những thách thức khó khăn. Cuộc trưng cầu dân ý bất ngờ để nước Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) đã làm chao đảo thị trường tài chính toàn cầu. Kết quả là sự biến động lớn trên thị trường tiền tệ, khiến đồng bảng Anh, đồng Euro, và yên Nhật đều giảm mạnh so với đô la Mỹ. Chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ của Donald Trump cũng được cho là làm tăng các nguy cơ của chủ nghĩa bảo hộ, mà hệ quả là việc Mỹ rút khỏi Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Điều này đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến triển vọng kinh tế và thương mại của Việt Nam.

Thị trường hàng hóa cũng chịu nhiều biến động. Giá dầu có những thay đổi tiêu cực do sự kết hợp của các chu kỳ kinh tế, các yếu tố chính trị, việc phát hiện mỏ dầu mới và những thay đổi về công nghệ. Điều kiện thời tiết không thuận lợi dẫn đến giá đường và sữa thô tăng lần lượt 10% và 50% trong năm 2016 so với năm 2015. Giá dầu cò cũng tăng mạnh 30% - 40% trong năm 2016 do sự suy giảm sản lượng vì hạn hán gay gắt gây ra bởi hiện tượng El Nino và nhu cầu lớn đối với dầu thực vật trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, bất chấp những thách thức kinh tế vĩ mô trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn có triển vọng. Việc dỡ bỏ các hạn chế đối với đầu tư nước ngoài sẽ giúp thu hút thêm đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI). Thu nhập sau thuế tăng và mức độ đô thị hóa mạnh đang tiếp tục tạo ra một lớp người tiêu dùng ngày càng tăng, góp phần vào sự tăng trưởng tiêu dùng. Theo AC Nielsen, người tiêu dùng Việt Nam tiếp tục tin tưởng vào triển vọng của nền kinh tế khi Việt Nam vượt qua mức trung bình thế giới và xếp hạng là một trong 10 quốc gia lạc quan nhất về chỉ số niềm tin tiêu dùng.

NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM TIẾP TỤC TIN TƯỞNG VÀO TRIỂN VỌNG CỦA NỀN KINH TẾ KHI VIỆT NAM VƯỢT QUA MỨC TRUNG BÌNH THẾ GIỚI VÀ XẾP HẠNG LÀ MỘT TRONG 10 QUỐC GIA LẠC QUAN NHẤT VỀ CHỈ SỐ NIỀM TIN TIÊU DÙNG.



KIDO hoạt động trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh - một lĩnh vực dễ bị ảnh hưởng bởi các áp lực toàn cầu. Tại Việt Nam, chúng tôi xác định hai nguồn lực chính tạo nên lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Kinh tế phát triển nhanh đã dẫn đến sự xuất hiện của một tầng lớp người tiêu dùng mới, đặc biệt là ở các đô thị lớn - những người có quan tâm và có khả năng để tham gia vào xu hướng tiêu dùng hiện đại. Sự gia tăng sức mua này kéo theo sự gia tăng chi tiêu của người tiêu dùng, điều mà chúng tôi mong đợi sẽ trở nên rõ ràng hơn trong 5 năm tới. Ngược lại, việc thúc đẩy hội nhập kinh tế đã giúp một loạt các thương hiệu nước ngoài thâm nhập vào Việt Nam, làm tăng mức độ cạnh tranh, đặc biệt là tại các đô thị. 25 công ty hàng đầu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh của Việt Nam có tổng doanh số bán hàng là 14,8 tỷ USD. Con số này thể hiện khả năng cạnh tranh lớn với các thương hiệu nước ngoài xuất hiện ngày càng nhiều tại Việt Nam.



TƯƠNG TỰ NHƯ VẬY, LĨNH VỰC KEM, SỮA CHUA VÀ THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH TIẾP TỤC CÓ MỨC TĂNG TRƯỞNG ẮN TƯỢNG 12% TRONG 3 NĂM QUA, ĐẠT TRỊ GIÁ GẦN 1 TỶ USD TRONG NĂM 2016. THU NHẬP CAO HƠN VÀ ĐỘ THỊ HÓA GIA TĂNG SẼ LÀM TĂNG SỨC TIÊU THỤ TRONG TƯƠNG LAI ĐỐI VỚI SẢN PHẨM MANG LẠI SỰ THOẢI MÁI (KEM) VÀ THỰC PHẨM BỔ SUNG (SẢN PHẨM ĐÔNG LẠNH)



Trong bối cảnh kinh tế đầy biến động và đa dạng này, các ngành kinh doanh của chúng tôi được định hình bởi nhiều yếu tố riêng biệt. Xét về thị trường dầu ăn, ngành này đã đạt mức tăng trưởng cùng kỳ 6% trong năm 2016 với mức giá trị hơn 1,3 tỷ USD. Đối với mảng dầu ăn, dầu thực vật và dầu ép từ hạt vẫn chiếm vị trí lớn nhất, hơn 90%. Chúng tôi nhận thấy người tiêu dùng ở các thành phố nhỏ và vùng nông thôn cũng bắt đầu chuyển sang dùng dầu thực vật và dầu hạt thay vì mỡ động vật. Trong danh mục nhiều sản phẩm khác nhau, dầu ôliu có mức tăng trưởng nhanh nhất nhờ vào kiến thức về dinh dưỡng của người tiêu dùng ngày một nâng cao. Vẫn có cơ hội để nâng mức tiêu dùng bình quân đầu người, do vậy ngành dầu ăn được cơ cấu để duy trì tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn. Vị thế trên thị trường hiện giờ của chúng tôi rất cao. KIDO có thị phần rộng lớn và sở hữu nhiều thương hiệu, vì vậy chúng tôi có lợi thế để tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Năng lực phân phối của Tập đoàn sẽ tiếp tục là lợi thế cạnh tranh chính, cùng với kinh nghiệm tiếp thị, xây dựng thương hiệu và thực hiện M&A Tường An, Vocarimex sẽ tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, phát triển bền vững của Tập đoàn.

Tương tự như vậy, lĩnh vực kem, các sản phẩm từ sữa và thực phẩm đông lạnh tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng 12% trong 3 năm qua, đạt trị giá gần 1 tỷ USD trong năm 2016. Thu nhập cao hơn và độ thị hóa gia tăng sẽ làm tăng sức tiêu thụ trong tương lai đối với sản phẩm mang lại sự thoải mái (kem) và thực phẩm bổ sung (sản phẩm đông lạnh). Khi kinh tế phát triển, tiềm năng tăng trưởng các sản phẩm này được chứng minh là rất lớn, vấn đề cạnh tranh trên thị trường sẽ ngày càng khắc nghiệt. Mặc dù các nhà sản xuất trong nước như KIDO tiếp tục dẫn đầu doanh thu bán hàng trong năm 2016, các công ty nước ngoài như Unilever hay Nestle ngày càng đẩy mạnh sự hiện diện tại Việt Nam thông qua một loạt các thương hiệu, đặc biệt tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, nơi có sức mua cao nhất. Bất chấp điều đó, vị thế dẫn đầu của chúng tôi vẫn tiếp tục được bảo đảm vì chúng tôi sở hữu những lợi thế quan trọng. Thứ nhất, danh mục các sản phẩm của chúng tôi nhắm đến đối tượng ưu tiên là người tiêu dùng Việt Nam. Thứ hai là khả năng phân phối các sản phẩm lạnh và đông lạnh rộng khắp cả nước đã cho phép chúng tôi tiếp cận được một lượng lớn người tiêu dùng Việt Nam.





LỢI NHUẬN

2.238 TỶ ĐỒNG

43,2%



TRONG KHI ĐÓ, NGOÀI DOANH THU 285 TỶ ĐỒNG TỪ CÁC SẢN PHẨM DẦU ĂN MANG THƯƠNG HIỆU CỦA KIDO, TẬP ĐOÀN CŨNG ĐÃ ĐẠT DOANH THU KỶ LỤC HƠN 420 TỶ ĐỒNG TỪ CÁC SẢN PHẨM CỦA TƯỜNG AN CHỈ TRONG THÁNG CUỐI CÙNG NĂM 2016.

Doanh thu thuần giảm 28,7% từ 3.140 tỷ đồng vào năm 2015 xuống còn 2.238 tỷ đồng vào năm 2016. Loại trừ các yếu tố bất thường và xét một cách tương đồng, doanh thu thuần tăng 43,2% nhờ vào tăng trưởng doanh số bán hàng của ngành kem và nhờ vào việc hợp nhất hoạt động kinh doanh dầu ăn của Tường An bắt đầu từ tháng 12 năm 2016. Đặc biệt, kem và thực phẩm đông lạnh đã đóng góp 1.397 tỷ đồng vào doanh thu của KDC, đạt mức tăng trưởng hàng năm 30,7%. Trong khi đó, ngoài doanh thu 285 tỷ đồng từ các sản phẩm dầu ăn mang thương hiệu của KIDO, Tập đoàn cũng đã đạt doanh thu kỷ lục hơn 420 tỷ đồng từ các sản phẩm của Tường An chỉ trong tháng cuối cùng năm 2016.



LỢI NHUẬN GỘP

881 TỶ ĐỒNG

37,6%



Tương tự, trong khi lợi nhuận gộp, tính trong chu kỳ tương đối, đã giảm từ 1.755 tỷ đồng trong năm 2015 xuống 881 tỷ đồng vào năm 2016, vẫn tăng mạnh 37,6% nếu loại trừ các ảnh hưởng từ những ngành kinh doanh được thoái vốn. Theo tỷ lệ doanh thu thuần, lợi nhuận gộp cũng tăng gần 2% nhờ vào lợi thế quy mô cũng như hiệu quả đạt được của hoạt động kinh doanh kem, cộng với việc kiểm soát hiệu quả giá đầu vào thông qua các sáng kiến phòng ngừa rủi ro và các kế hoạch định giá đối với sản phẩm dầu ăn.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG



Tổng chi phí hoạt động trong năm là 950 tỷ đồng, tăng 27,2% so với năm trước. Chi phí cho tiếp thị, cơ sở hạ tầng bán hàng và phân phối là 520 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2015. Tuy nhiên chi phí tăng này là do việc mở rộng hoạt động kinh doanh đối với sản phẩm đông lạnh, cộng thêm một số chi phí tái cơ cấu và sáp nhập đối với hoạt động kinh doanh dầu ăn.

ĐẦU TƯ VỐN



Năm 2016, chúng tôi tiếp tục tìm kiếm và mở rộng cơ hội tăng trưởng tăng giá trị và tối ưu hóa chi phí thông qua việc kết hợp giữa việc đầu tư vốn và mua lại. Đến cuối năm 2016, chúng tôi đã hoàn tất việc mua lại TAC - công ty dầu ăn lớn thứ hai tại Việt Nam nhằm tăng danh mục sản phẩm đồng thời tăng hơn nữa chuỗi giá trị dầu ăn. Chúng tôi cũng khánh thành nhà máy sản xuất kem thứ hai ở phía Bắc, mở rộng phạm vi tiếp cận của chúng tôi về mặt địa lý và giúp nâng cao hiệu quả hoạt động.

CÁC MỤC KHÁC

Trong năm 2016, có một mục đặc biệt mà chúng tôi cho rằng nên được trình bày riêng nhằm giúp quý vị hiểu rõ về hoạt động tài chính của KIDO. Cụ thể đó là khoản thu nhập bất thường 1.300 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng 20% số cổ phần còn lại của ngành bánh kẹo cho một công ty nước ngoài.

CƠ CẤU VỐN

Chúng tôi cố gắng quản lý chi phí vốn bằng cách duy trì một cơ cấu vốn phù hợp, cân bằng giữa vốn chủ sở hữu và nợ. Các khoản nợ chính của Tập đoàn bao gồm khoản phát hành trái phiếu 1.000 tỷ đồng, và hơn 840 tỷ đồng nợ tín dụng tại các ngân hàng trong và ngoài nước. Nợ thuần vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng 772 tỷ đồng so với năm trước là 1.078 tỷ đồng do tăng chi phí vốn đầu tư vào dự án kem. Kết quả là chi phí lãi vay tăng từ 21,8 tỷ đồng vào năm 2015 lên 38,7 tỷ đồng trong năm 2016 nhưng lãi suất trung bình vẫn ở mức tương tự như năm trước (2015: 2,1%), đã phản ánh tình hình tài chính mạnh mẽ và việc sử dụng thận trọng món nợ.

Tiền mặt tại thời điểm cuối năm 2016 là 2.333 tỷ đồng, giảm 723 tỷ đồng so với năm 2015 do việc đầu tư vốn và mua lại. Mặc dù hoạt động kinh doanh kem mang lại kết quả tích cực cùng một lượng lớn tiền mặt, điều này vẫn chưa bù đắp được việc giảm lượng tiền mặt do việc đầu tư vốn và mua lại. Trong khi theo đuổi các cơ hội tăng trưởng, chúng tôi luôn duy trì các ưu tiên đối với các dòng tiền được sử dụng cho việc mua bán sáp nhập (M&A), vì chúng tôi hiểu rằng dòng tiền này sẽ không chỉ giúp làm tăng giá trị về mặt lâu dài, mà nó sẽ luân chuyển quay trở lại trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi, đồng thời tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.

LỢI NHUẬN CỦA CỔ ĐÔNG

Đằng sau chiến lược của Tập đoàn là cam kết mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông. Điều này được thể hiện qua chính sách chia cổ tức của Tập đoàn trong 5 năm qua với tỷ lệ cổ tức tăng gần gấp ba lần, từ 833 đồng/cổ phiếu năm 2012 lên 2.400 đồng/cổ phiếu vào năm 2016. Đặc biệt, năm 2015, giá trị cổ tức là 20.000 đồng/cổ phiếu - mức cổ tức cao này là kết quả của những khoản lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng mảng kinh doanh bánh kẹo. Tập đoàn cũng đã thực hiện mua lại cổ phiếu phổ thông theo chương trình mua lại cổ phần được các cổ đông thông qua và được Hội đồng Quản trị ủy quyền. Các chương trình như vậy được xem xét lại thường xuyên để đánh giá các yếu tố, bao gồm nhu cầu tiền mặt hiện tại, năng lực phát triển, chi phí vốn vay, kết quả hoạt động của doanh nghiệp và giá thị trường của cổ phiếu phổ thông mà KDC sở hữu. Cho đến nay, Tập đoàn đã mua lại 52 triệu cổ phiếu phổ thông (chiếm 25% tổng số cổ phiếu đang lưu hành).

KELLY WONG

Phó Tổng Giám đốc Tài chính Tập đoàn

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM



CHIẾN LƯỢC NỀN TẢNG CỦA CHÚNG TÔI ĐƯỢC TẠO THÀNH DỰA TRÊN 5 YẾU TỐ: NGƯỜI TIÊU DÙNG, NGÀNH HÀNG, KÊNH, MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC VÀ VỐN.



NGƯỜI TIÊU DÙNG

QUÁ TRÌNH “CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ” VÀ “HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ” TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI LUÔN ĐẶT NGƯỜI TIÊU DÙNG LÊN VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU ĐỂ PHỤC VỤ.



Chiến lược “Thực Phẩm & Gia Vị” được triển khai để gia tăng khả năng tiếp cận của KIDO đối với người tiêu dùng thông qua việc nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới. Khách hàng, người tiêu dùng luôn là trọng tâm của doanh nghiệp. KIDO luôn nỗ lực thích ứng với những thay đổi, biến động của thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng. Mục tiêu nhằm tiếp cận đến nhiều người tiêu dùng hơn, tạo cơ hội để khách hàng sử dụng sản phẩm thông qua việc cung cấp đúng sản phẩm, đúng nơi cho đúng đối tượng. Do vậy đòi hỏi các quy trình phải được sắp xếp phù hợp và đặt trọng tâm vào việc thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Quá trình “Chuyển đổi Giá trị” và “Hình thành Giá trị” trong chiến lược kinh doanh của chúng tôi luôn đặt người tiêu dùng lên vị trí hàng đầu để phục vụ.



Chiến lược sản phẩm của Tập đoàn tập trung xoay quanh chiến lược Thực Phẩm & Gia Vị hướng đến việc đa dạng hóa ngành hàng kinh doanh từ bánh kẹo và thức ăn bổ sung. Việc có thêm thành viên mới VOC và TAC trong năm vừa qua giúp KIDO hoàn thành chiến lược đã vạch ra thông qua quá trình mua bán sáp nhập. Đây cũng là cách thức để KDC khẳng định năng lực Tập đoàn trong phân khúc “Thực Phẩm & Gia Vị”. Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư, phát triển sản phẩm đông lạnh KIDO ngày càng củng cố vị thế và khẳng định năng lực dẫn đầu trong ngành thực phẩm đông lạnh. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến thuật mở rộng danh mục sản phẩm nhằm gia tăng tỷ lệ thâm nhập sản phẩm ngoài thị trường, mở rộng phân khúc khách hàng và gia tăng tần suất sử dụng các sản phẩm trên kênh phân phối, các sản phẩm của KIDO sẽ hiện diện trong tất cả gian bếp của mỗi gia đình Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu trên, chúng tôi không ngừng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của khách hàng và tạo ra những phương thức mới để tiếp cận đa dạng đối tượng khách hàng hơn. Để đạt được điều này phụ thuộc vào việc kết hợp giữa chiến lược sản phẩm và chiến lược nền tảng; giúp thương hiệu và sản phẩm của KIDO dễ dàng tiếp cận và thâm nhập đến người tiêu dùng.



NGÀNH HÀNG

HIỂU RÕ TẦM QUAN TRỌNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, CHÚNG TÔI ĐÃ MỞ RỘNG CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM BAO GỒM CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC NGHIÊN CỨU, CẢI TIẾN HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU “NGƯỜI TIÊU DÙNG & TÍNH TIỆN LỢI”



Việc tích hợp giữa kênh phân phối ngành hàng lạnh và thực phẩm đóng gói sẽ gia tăng hiệu suất và khẳng định năng lực của Tập đoàn trên thị trường “Thực Phẩm & Gia Vị”. Sự tham gia của Tường An và Vocarimex vào hoạt động kinh doanh của Tập đoàn là một trong những yếu tố mang tính quyết định năng lực này.

Trong tương lai, chúng tôi nhận thấy những thay đổi trong chi tiêu của người tiêu dùng Việt. Người tiêu dùng ngày càng tinh tế và năng động trong mua sắm và điều này sẽ tiếp tục thay đổi theo xu hướng phát triển của đất nước. Hiểu rõ tầm quan trọng của người tiêu dùng, chúng tôi đã mở rộng Chiến lược Sản phẩm bao gồm các sản phẩm được nghiên cứu, cải tiến hướng đến mục tiêu “Người tiêu dùng & Tính tiện lợi”. Điều này sẽ được định hình rõ hơn trong giai đoạn tiếp theo khi chúng tôi hoàn thành chiến lược “Thực Phẩm & Gia Vị”.

Chiến lược ngành hàng được triển khai bằng việc phát triển dòng sản phẩm đông lạnh với các sản phẩm được đầu tư, nghiên cứu nhằm mang đến giải pháp cho các bữa ăn. Chúng tôi cũng đã lên kế hoạch đưa ra thị trường các sản phẩm mới một cách chuyên nghiệp, sử dụng nền tảng hiện tại để tiếp cận đến nhiều người tiêu dùng hơn.



KÊNH

TRONG KHI TRỌNG TÂM CỦA MÔ HÌNH KINH DOANH NẪM Ở NGƯỜI TIÊU DÙNG THÌ KÊNH PHÂN PHỐI ĐƯỢC XEM LÀ PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT CỦA HỆ THỐNG.



Chúng tôi luôn lấy người tiêu dùng làm trung tâm để phục vụ. Hiện nay nền tảng vẫn tập trung vào các Đơn vị Kinh doanh Chiến lược (SBU) - nơi sản xuất danh mục các sản phẩm để phục vụ người tiêu dùng. Bên cạnh đó, chúng tôi ưu tiên dành nguồn lực phát triển các kênh phân phối. Có bốn kênh phân phối chính chịu trách nhiệm phân phối thực phẩm đóng gói, các sản phẩm lạnh/đông lạnh, bán lẻ và xuất khẩu. Những kênh này hiện đã hình thành và có mặt khắp thị trường Việt Nam. Kênh phân phối rộng khắp sẽ hỗ trợ mục tiêu hướng đến người tiêu dùng thông qua quá trình cung cấp các sản phẩm hàng ngày đến nhiều khách hàng hơn và sử dụng một cách thường xuyên hơn.



MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC

VỚI ĐIỂM TỰA LÀ NGÀNH “THỰC PHẨM & GIA VỊ” CÙNG VỚI CÁC NỀN TẢNG LÀ ĐÒN BẮY, KIDO SẼ KẾT NỐI SẢN PHẨM ĐẾN VỚI NHIỀU KHÁCH HÀNG HƠN, VỚI TẦN XUẤT SỬ DỤNG THƯỜNG XUYÊN HƠN TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM.



Chúng tôi tăng cường thúc đẩy hiệu quả của mô hình kinh doanh tập trung vào kênh phân phối và đa dạng hóa danh mục các sản phẩm. Với sự hội nhập nhanh chóng của thị trường khu vực, cùng với việc giảm thuế quan, chúng tôi hiểu rằng việc cạnh tranh từ bên ngoài nhắm vào một đất nước có dân số lớn như Việt Nam là điều không thể tránh.

Để liên kết chặt chẽ và gia tăng cơ hội hội nhập sâu rộng trong tương lai, Tập đoàn sẽ phải thay đổi quan điểm nhận định về thị trường. Tại Việt Nam, hơn 94,4 triệu dân số, trong đó 80,2 triệu khách hàng là đối tượng mà chúng tôi đang hướng đến phục vụ. Tuy nhiên với hàng rào thuế quan giảm và mức độ hội nhập thị trường ngày càng mạnh mẽ, áp lực cạnh tranh sẽ tạo ra một thị trường hơn 600 triệu khách hàng trong toàn khu vực Đông Nam Á. Với điểm tựa là ngành “Thực Phẩm & Gia Vị” cùng với các nền tảng là đòn bẩy, KIDO sẽ kết nối sản phẩm đến với nhiều khách hàng hơn, với tần xuất sử dụng thường xuyên hơn tại thị trường Việt Nam.



VỐN

THÀNH CÔNG MÀ CHÚNG TÔI ĐẠT ĐƯỢC LÀ NHỜ VÀO VIỆC THỰC HIỆN CÁC THƯƠNG VỤ MUA BÁN & SÁP NHẬP (M&A) VÀ THỂ HIỆN NĂNG LỰC CỦA TẬP ĐOÀN TRONG QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN.



Tham gia vào ngành “Thực phẩm & Gia vị” là chiến lược quan trọng trong giai đoạn mới. Thành công mà chúng tôi đạt được là nhờ vào việc thực hiện các thương vụ Mua bán & Sáp nhập (M&A) và thể hiện năng lực của Tập đoàn trong quyết định phân bổ vốn. Chúng tôi đã phát triển từ một doanh nghiệp mang tính thời vụ trở thành một doanh nghiệp có khả năng kết nối với người tiêu dùng hàng ngày thông qua các sản phẩm. Với nền tảng này, chúng tôi tiếp tục hướng đến cơ hội kết nối với người tiêu dùng thông qua những phương thức mới, cũng như thông qua việc phân bổ vốn, tăng tỷ suất đầu tư, và tối ưu dòng tiền trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.





MÔ HÌNH KINH DOANH
HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ

CHUYỂN ĐỔI GIÁ TRỊ

Quy trình: Sản xuất



Chế biến



Đóng gói



Hoàn thiện

Một phần của chuỗi giá trị mang tính linh hoạt khi có thể được thực hiện trong chính doanh nghiệp hoặc được thực hiện bởi các đối tác bên ngoài. Tạo ra tính linh hoạt trong việc tung ra các sản phẩm mới, thâm nhập vào các hạng ngành hàng mới để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang ngày càng thay đổi.

HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ

Quy trình: Tập trung nội bộ



Mua (RM)



Kế hoạch cung cấp



Nghiên cứu & Phát triển



Tiếp thị & Quảng bá thương hiệu

Quy trình tập trung nhằm tăng hiệu suất nguyên liệu thô, thành phẩm và quy hoạch sản xuất.

Tiếp thị, quảng bá thương hiệu, và Nghiên cứu & Phát triển (R&D) được phối hợp chặt chẽ để tránh trùng lặp và tập trung vào phân bổ nguồn lực.

Quy trình: Tùy biến phía ngoài



Kho bãi & Hậu cần



Lập kế hoạch nhu cầu



Quản lý phân phối



Bán hàng

Quy trình tích hợp tập trung vào quản lý bán hàng trực tiếp và phân phối nhằm giám sát sản phẩm theo khu vực bán hàng, giúp điều chỉnh cách tiếp cận bán hàng phù hợp với nhu cầu của điểm bán và người tiêu dùng.



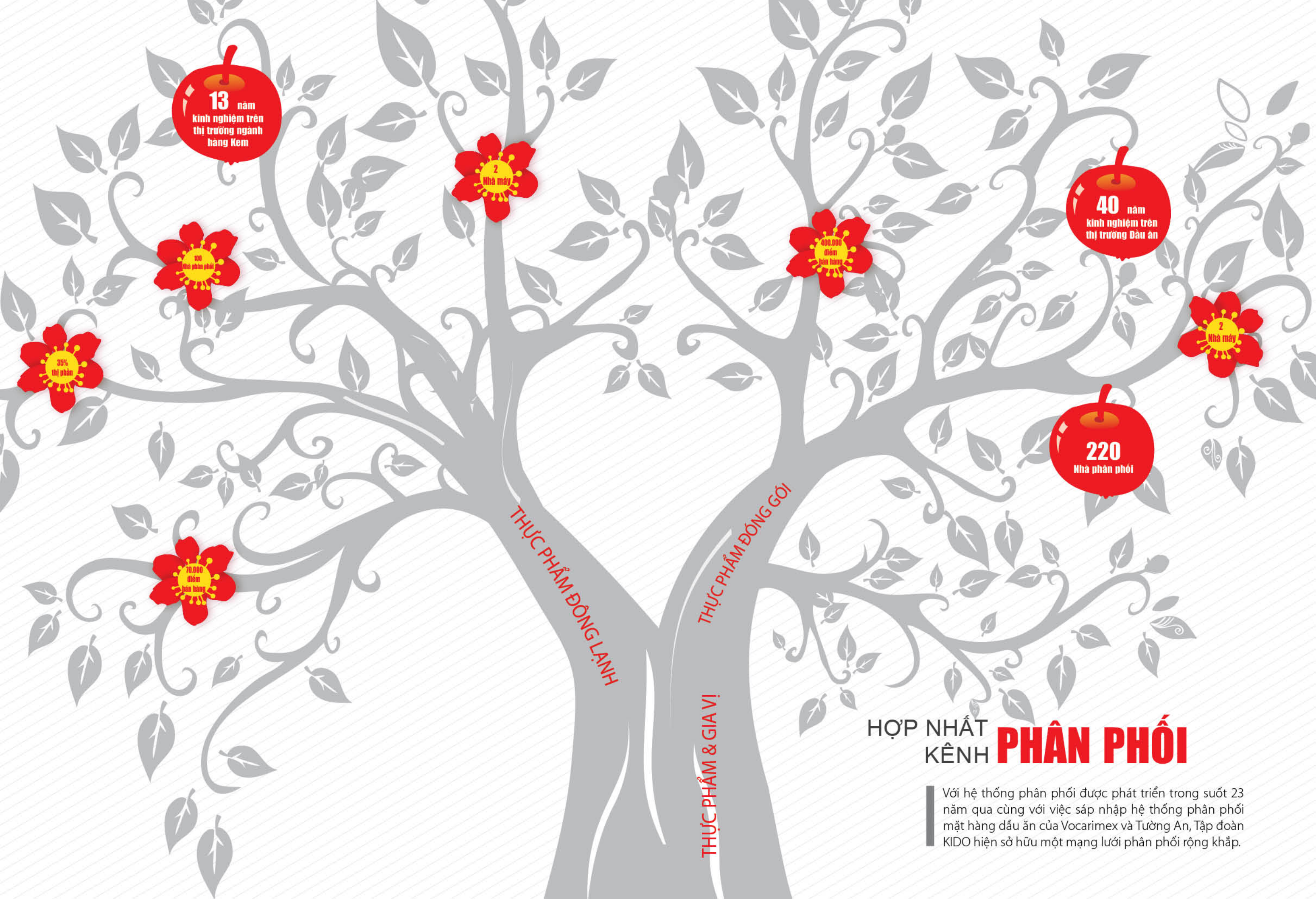
Điểm bán lẻ

&



Người tiêu dùng

**KẾT NỐI HÀNG NGÀY
VỚI THỊ TRƯỜNG VÀ
NGƯỜI TIÊU DÙNG
TRỰC TIẾP.**



13 năm
kinh nghiệm trên
thị trường ngành
hàng Kem

2
Nhà máy

100
Nhà phân phối

35%
thị phần

70.000
điểm
bán hàng

400.000
điểm
bán hàng

40 năm
kinh nghiệm trên
thị trường Dầu ăn

2
Nhà máy

220
Nhà phân phối

THỰC PHẨM ĐÔNG LẠNH

THỰC PHẨM ĐÔNG GÓI

THỰC PHẨM & GIA VỊ

HỢP NHẤT KÊNH **PHÂN PHỐI**

Với hệ thống phân phối được phát triển trong suốt 23 năm qua cùng với việc sáp nhập hệ thống phân phối mặt hàng dầu ăn của Vocarimex và Tường An, Tập đoàn KIDO hiện sở hữu một mạng lưới phân phối rộng khắp.

KIDO LUÔN ĐẶT LỢI ÍCH CỦA NHỮNG ĐỐI TÁC LÊN TRÊN, BAO GỒM KHÁCH HÀNG, CÁC NHÀ CUNG CẤP, NHÀ PHÂN PHỐI, ĐIỂM BÁN LẺ, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.

NỀN TẢNG CHÍNH SÁCH

Chúng tôi hiểu rằng mỗi nhóm đối tượng đều có mối liên kết với nhau về lợi ích, do vậy cần phải thống nhất trong định hướng và truyền thông để đảm bảo mỗi nhóm đối tượng đều hiểu rõ về chiến lược của Tập đoàn.

KIDO đảm bảo hoạt động kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo của chúng tôi không những đáp ứng được kỳ vọng của các nhóm đối tượng có lợi ích liên quan, mà còn giúp chúng tôi thích ứng được với những biến đổi của môi trường kinh doanh. Do đó, việc tăng cường cơ cấu quản trị doanh nghiệp sẽ được ưu tiên giúp KIDO gia tăng năng lực quản trị. Và điều đó sẽ giúp chúng tôi xây dựng được niềm tin, sự minh bạch với các đối tác và trách nhiệm xã hội với cộng đồng.

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ CẤU QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn đã trải qua một quá trình biến đổi lớn trong ba năm qua. Trong suốt quá trình đó, mục tiêu của chúng tôi là tạo ra nền tảng vững chắc cho hệ thống và quy trình nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận. Đặc biệt chú trọng vào việc đơn giản hóa cấu trúc doanh nghiệp để tăng tính minh bạch cũng như hiệu quả trong tất cả các hoạt động.

Cấu trúc Ban Điều hành theo hình thức “ma trận” sẽ tăng cường khả năng truyền đạt thông tin trong Tập đoàn, giúp việc đưa ra các quyết định được nhanh chóng và kịp thời. Được xây dựng dựa trên sự minh bạch giữa các chức năng và trong cả Tập đoàn, cấu trúc chức năng “ma trận” hiệu quả, tạo thuận lợi trong quá trình thảo luận và ra các quyết định.

Chúng tôi cũng đã sử dụng mô hình Đơn vị Kinh doanh Chiến lược để quản lý các hoạt động kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị với 9 thành viên, trong đó có 3 thành viên độc lập. Các thành viên độc lập được lựa chọn từ hàng ngàn ứng viên dựa trên năng lực, kinh nghiệm và bằng cấp chuyên môn.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp báo cáo quý.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2016, Hội đồng Quản trị của Tập đoàn chưa thành lập các tiểu ban.





QUI TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Các SBUs và BUs liên tục đánh giá và xác định các rủi ro và cùng làm việc với Ủy ban Quản lý Rủi ro nhằm giám sát các rủi ro có thể xảy ra trong tập đoàn.

Các báo cáo này được trình bày với Ban Điều hành để thảo luận và tính toán các rủi ro tiềm tàng cũng như xác suất xảy ra và xác định những vấn đề cần được giải quyết.

Các yếu tố rủi ro được phân loại thông qua hệ thống chấm điểm từ mức "Không chắc chắn" đến "Có nguy cơ xảy ra". Những tác động tiềm ẩn được tính toán và xếp hạng từ "Không đáng kể" đến "Nghiêm trọng". Nếu một yếu tố rủi ro tiềm tàng được xếp hạng "Có thể xảy ra" và có mức đánh giá tác động là "Nghiêm trọng", nó sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban Quản lý Rủi ro để cùng làm việc với Ủy ban Kiểm soát Nội bộ nhằm đưa ra các biện pháp

theo dõi và giảm thiểu rủi ro. Những chính sách, qui trình này sẽ được phổ biến cho các SBUs, BUs để theo dõi tình hình và đảm bảo rằng bất kỳ biến động rủi ro nào cũng sẽ được báo cáo ngay cho Ủy ban.

BÊN CẠNH ĐÓ, CÁC CHÍNH SÁCH, QUI TRÌNH NÀY ĐƯỢC CẬP NHẬT VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ VÀ THÔNG BÁO RỘNG RÃI TRÊN MẠNG NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN. ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ SẼ THEO SÁT NHẢM KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

Hàng năm, các hệ thống giám sát và quản lý rủi ro đều được đánh giá lại bởi Ủy ban Kiểm soát Nội bộ và những thay đổi cần thiết sẽ được thực hiện. Sau quá trình đánh giá, những chính sách mới sẽ được thông qua và triển khai, đồng thời chu trình này lặp lại như trên nhằm đảm bảo rằng việc quản lý rủi ro là một quá trình chủ động. Điều này phù hợp với môi trường kinh tế năng động như Việt Nam.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO ĐƯỢC PHÂN LOẠI THÔNG QUA HỆ THỐNG CHẤM ĐIỂM TỪ MỨC "KHÔNG CHẮC CHẮN" ĐẾN "CÓ NGUY CƠ XẢY RA". NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN ĐƯỢC TÍNH TOÁN VÀ XẾP HẠNG TỪ "KHÔNG ĐÁNG KỂ" ĐẾN "NGHIÊM TRỌNG". NẾU MỘT YẾU TỐ RỦI RO TIỀM TÀNG ĐƯỢC XẾP HẠNG "CÓ THỂ XẢY RA" VÀ CÓ MỨC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LÀ "NGHIÊM TRỌNG", NÓ SẼ ĐƯỢC BÁO CÁO NGAY CHO ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO ĐỂ CÙNG LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN KIỂM SOÁT NỘI BỘ NHẪM ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP THEO DÕI VÀ GIẢM THIỂU RỦI RO.

CÁC RỦI RO CHIẾN LƯỢC



DUY TRÌ CÁC CHÍNH SÁCH THẬN TRỌNG TRONG VIỆC MUA HÀNG, QUẢN LÝ VỐN LƯU ĐỘNG, VÀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ NHẪM GIẢM THIỂU SỰ BIẾN ĐỘNG KHI NHU CẦU TIÊU DÙNG THAY ĐỔI.

Rủi ro Kinh tế vĩ mô, Chính trị - Xã hội và Pháp Luật

Sự suy thoái kinh tế và các vấn đề chính trị, xã hội ảnh hưởng tiêu cực đến chi tiêu của người tiêu dùng. Tập đoàn theo dõi chặt chẽ những biến đổi trong môi trường kinh tế và chính trị - xã hội trong khu vực để dự đoán những thay đổi trong tâm lý người tiêu dùng. Bên cạnh đó, việc duy trì các chính sách thận trọng trong việc mua hàng, quản lý vốn lưu động, và kiểm soát chi phí nhằm giảm thiểu sự biến động khi nhu cầu tiêu dùng thay đổi.

Rủi ro phụ thuộc

Sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp, khách hàng, đối tác kinh doanh hoặc sản phẩm cũng mang lại rủi ro. Phụ thuộc quá nhiều vào nhà cung cấp, khách hàng hoặc sản phẩm làm cho doanh nghiệp có thể bị giảm doanh thu và chịu áp lực lợi nhuận. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã làm việc với một mạng lưới các nhà cung cấp rộng khắp cả trong và ngoài nước, để đảm bảo sự ổn định trong chuỗi cung ứng và có được nguyên liệu chất lượng nhất. Tập đoàn quản lý mạng lưới phân phối theo cách tương tự, đảm bảo rằng không một nhóm khách hàng nào ở bất kỳ địa bàn nào chiếm trên 10% tổng sản lượng hàng bán của chúng tôi.

Rủi ro thực thi

Sự thay đổi gần đây trong định hướng chiến lược của Tập đoàn có khả năng làm tăng rủi ro thực thi khi chúng tôi bổ sung thêm các sản phẩm mới và các quy trình phân phối để đưa những sản phẩm này ra thị trường. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi đã tạo ra một nền tảng hệ thống, qui trình vững chắc, có khả năng tương thích nhanh chóng và chúng tôi tin rằng nó có khả năng ngăn chặn các nguy cơ trong quá trình thực thi.

Rủi ro từ nhu cầu tiêu dùng

Khả năng dự báo những thay đổi trong xu hướng và nhu cầu của tiêu dùng là yếu tố quan trọng mang lại thành công. Thất bại trong việc dự đoán xu hướng và nhu cầu sẽ tạo ra những rủi ro đáng kể cho Tập đoàn. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn sử dụng quá trình “Hình thành Giá trị” nhằm chủ động quản lý các phản hồi từ người tiêu dùng, giảm thiểu rủi ro đến từ những thay đổi này.

Ngoài ra, sức mạnh và sự gắn kết các mạng lưới cho phép chúng tôi tăng cường khả năng quản trị, giảm thiểu rủi ro trong quá trình triển khai các sản phẩm mới.

Tạo mối quan hệ chặt chẽ với điểm bán lẻ và nhà phân phối cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo mức độ tiếp cận sản phẩm, mức độ thâm nhập và tăng trưởng về mặt doanh thu.

CÁC RỦI RO HOẠT ĐỘNG



Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý với các nhà cung cấp.

Rủi ro quan hệ khách hàng

Thất bại trong việc duy trì các mối quan hệ này sẽ mang đến các rủi ro tiềm ẩn đối với hoạt động của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ khách hàng tốt nhất và cùng với nền tảng cơ sở hạ tầng công nghệ, cho phép chúng tôi kết nối chặt chẽ hơn với chuỗi giá trị trong toàn Tập đoàn. Việc kết nối này bao gồm khả năng giám sát mức tồn kho, quy trình bán hàng và phản hồi của người tiêu dùng. Tất cả các điều này tạo ra một hệ thống chặt chẽ giúp tăng cường các mối quan hệ với khách hàng.

Sự biến động của giá nguyên liệu thô

Sự thay đổi giá nguyên liệu thô là một rủi ro đáng kể đối với lợi nhuận của chúng tôi.

Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chia sẻ trách nhiệm quản lý với các nhà cung cấp. KIDO thông tin cho các nhà cung cấp một kế hoạch rõ ràng về nhu cầu nguyên vật liệu và đưa ra một mức giá cố định trong một khoảng thời gian nhất định nhằm duy trì sự ổn định trong chi phí sản xuất.

RỦI RO GIÁ HÀNG HÓA, RỦI RO TÀI CHÍNH



BẰNG MỌI NGUỒN LỰC CÓ THỂ, CHÚNG TÔI TẠO RA CƠ CHẾ PHÒNG NGỪA RỦI RO ĐỂ ĐẢM BẢO RẰNG DÒNG TIỀN VÀO ĐỦ ĐỂ BÙ LẤP CÁC DÒNG TIỀN RA BẰNG ĐÔ LA MỸ.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là kết quả trực tiếp từ sự chênh lệch nguồn thu ngoại tệ và nguồn vốn vay ngoại tệ. Bằng mọi nguồn lực có thể, chúng tôi tạo ra cơ chế phòng ngừa rủi ro để đảm bảo rằng dòng tiền vào đủ để bù đắp các dòng tiền ra bằng đô la Mỹ. Khi không thể, Tập đoàn sẽ thực hiện bảo hiểm đồng đô la Mỹ.

Những thay đổi trên thị trường tài chính khu vực và toàn cầu có thể có tác động đáng kể đến lãi suất, dẫn đến rủi ro ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, tính thanh khoản và lợi nhuận. Để giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi chủ động theo dõi kỳ hạn đáo nợ của các khoản vay để cân bằng dòng tiền hoạt động với các khoản chi trả.

Rủi ro thanh khoản và rủi ro tài chính

Trong trường hợp thị trường bị sụt giảm, tính thanh khoản bị hạn chế làm tăng lãi suất, chúng tôi sẽ chủ động cắt giảm nợ vay bằng cách sử dụng số dư tiền mặt và/hoặc bổ sung các khoản tương đương tiền để tài trợ cho vốn lưu động.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA
HĐQT VÀ BAN GIÁM SÁT

HỌP HĐQT

STT	Ngày	Chương trình họp
1	09/05/2016	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
2	18/05/2016	Nghị quyết phê duyệt khoản thanh toán cổ tức lần hai của năm 2014
3	02/06/2016	Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
4	26/08/2016	Nghị quyết thanh toán cổ tức năm 2015
5	01/09/2016	Nghị quyết chào mua công khai của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An
6	26/10/2016	Nghị quyết tăng giá chào mua và nới rộng thời gian mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lần tham dự	% Tham dự
1.	Trần Kim Thành	Chủ tịch	6/6	100%
2.	Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch	6/6	100%
3.	Wang Ching Hua	Thành viên	6/6	100%
4.	Vương Bửu Linh	Thành viên	6/6	100%
5.	Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên	6/6	100%
6.	Vương Ngọc Xiêm	Thành viên	6/6	100%
7.	Trần Quốc Nguyên	Thành viên	6/6	100%
8.	Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	6/6	100%
9.	Nguyễn Đức Trí	Thành viên	5/6	83%

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị giám sát chặt chẽ việc điều hành thông qua các báo cáo hàng quý của Ban Quản lý được đưa ra trong các kỳ họp quý.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho đến cuối năm 2015, Tập đoàn KIDO vẫn chưa thành lập Ủy ban Hội đồng.

CÁC NGHỊ QUYẾT/
QUYẾT ĐỊNH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(BÁO CÁO 6 THÁNG/NĂM)

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1.	01/2016/NQ-HĐQT	09/05/2016	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
2.	02/2016/NQ-HĐQT	18/05/2016	Nghị quyết chi trả cổ tức lần 2 năm 2014
3.	03/2016/NQ-HĐQT	02/06/2016	Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
4.	05/2016/NQ-HĐQT	26/08/2016	Nghị quyết thanh toán cổ tức năm 2015
5.	38.16/NQ-HĐQT/KDC	01/09/2016	Nghị quyết chào mua công khai của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An
6.	06/2016/NQ-HĐQT	26/10/2016	Nghị quyết tăng giá chào mua và nới rộng thời gian mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An





ĐẨY MẠNH TĂNG TRƯỞNG

Với chiến lược Mua bán & Sáp nhập (M&A) rõ ràng và một nền tảng cơ bản vững chắc, KDC có chiến lược lý tưởng để phát triển.

Nhằm tiến xa hơn trên thị trường "Thực phẩm & Gia vị", KIDO sẽ tiếp tạo ra thêm các sản phẩm mới bên cạnh các sản phẩm hiện có và chúng tôi sẽ mở rộng tiếp cận đến các thị trường nước ngoài Việt Nam để đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng.

TÂM NHÌN

TRONG SUỐT LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN, CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM DOANH NGHIỆP ĐƯỢC TẬP ĐOÀN KIDO THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC. CHÚNG TÔI XEM TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP LÀ MỘT TRONG CÁC GIÁ TRỊ CỐT LÕI TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG.

TẬP ĐOÀN KIDO THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO ĐỜI SỐNG CBCNV VÀ ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI BẰNG TÂM HUYẾT CỦA CẢ ĐỘI NGŨ.

Những nỗ lực này được thể hiện thông qua việc cung cấp các sản phẩm an toàn và có chất lượng cao, dịch vụ bán hàng tận tâm và đáng tin cậy. Chúng tôi thực hiện tài trợ cho các nạn nhân gặp thiên tai, tài trợ phẫu thuật mắt và tặng thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, tặng quà Tết cho trẻ mồ côi, khuyết tật, hỗ trợ các chương trình giáo dục & phát triển tài năng, cùng nhiều hoạt động xã hội khác. Tất cả những điều này là minh chứng cho cam kết mạnh mẽ của toàn Tập đoàn đối với cộng đồng và xã hội giúp KIDO đem lại cho đối tác niềm tin, đảm bảo sự hài lòng cho khách hàng, sự gắn bó bền vững với nhà cung cấp và sự tin yêu của người tiêu dùng.

CAM KẾT

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Với KIDO, chất lượng sản phẩm không chỉ là việc sản xuất ra các sản phẩm phù hợp khẩu vị, đúng sở thích mà còn phải tốt cho sức khỏe người tiêu dùng. KIDO không ngừng nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu an toàn, chất lượng và ổn định, đầu tư công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực nhằm liên tục tạo ra những sản phẩm mới, độc đáo, an toàn, thơm ngon, dinh dưỡng, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của mọi đối tượng khách hàng.

CAM KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chúng tôi cho rằng một tổ chức chỉ có thể phát triển bền vững trong một môi trường bền vững. Chúng tôi luôn ý thức và thực hiện nghiêm ngặt những tiêu chí sản xuất xanh sạch. Các nỗ lực của KIDO nhằm bảo vệ môi trường luôn được các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, các đoàn thể, cộng đồng địa phương ghi nhận và đánh giá cao.

- Quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn ISO 14001:2005, OHSAS 18001:2008, ISO 9001:2008, ISO 22000:2010...
- Áp dụng các quy định, quy trình, gắn mục tiêu bảo vệ môi trường vào KPIs của các cá nhân, thường xuyên huấn luyện nhân viên để nâng cao ý thức về môi trường, thực hành các biện pháp ứng phó với các sự cố ảnh hưởng đến môi trường.
- Luôn tuân thủ nghiêm ngặt và thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường: Nước thải luôn đạt loại A, quan trắc môi trường tốt, sử dụng nhiên liệu sạch như dầu diesel, khí gas tự nhiên ít phát thải ô nhiễm môi trường, đầu tư công nghệ tiết kiệm điện năng cho các thiết bị điện áp cao, sử dụng năng lượng mặt trời thay thế các thiết bị chiếu sáng bằng đèn LED, giảm lượng nước thải và tái sử dụng nước thải đã xử lý...

CAM KẾT VÌ CỘNG ĐỒNG

Thành công đáng tự hào của KIDO không chỉ phản ánh ở kết quả kinh doanh tăng trưởng vững mạnh mà là ở sự đồng hành, tin tưởng, ủng hộ của các đối tác, cổ đông, nhà đầu tư, người tiêu dùng, cộng đồng và người lao động trong suốt hành trình.

Người tiêu dùng tin tưởng, ủng hộ sản phẩm của KIDO vì chúng tôi là thương hiệu gắn liền cùng chất lượng và những giá trị nhân văn thông qua các hoạt động chia sẻ cùng cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thực hiện liên tục trong nhiều năm qua. Đối tác, nhà đầu tư tin tưởng KIDO vì chúng tôi luôn hoạt động kinh doanh với một chữ tâm bền vững và sâu sắc.

TƯƠNG LAI **DẪN ĐẦU**

Dẫn dắt thị trường là nhân tố then chốt trong thành công của KDC. Với sức mạnh nền tảng của mình, chúng tôi tiếp tục phát huy vị thế dẫn đầu thị trường

KDF

Celano

Merino

Sữa chua Wel Yo Kidz Gold

Sữa chua Wel Yo Family

Sữa chua Wel Yo Beauty

Sữa chua đá Wel Yo

Siro đá Wel Yo

KIDO Foods

TAC

Dầu Cooking Oil - Dầu Vạn Thọ - Dầu thực vật tinh luyện

Dầu thực vật tinh luyện Ngon - Dầu Olive

VOCARIMEX

Dầu nành Soby - Dầu Sun Go - Dầu Voca Deli



Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	66 - 67
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	68
Báo cáo kiểm toán độc lập	69
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	70 - 71
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	72
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	73 - 74
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	75 - 115

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Wang Ching Hua	Thành viên
Bà Vương Bửu Linh	Thành viên
Bà Vương Ngọc Xiêm	Thành viên
Ông Trần Quốc Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Gia Huy Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Hiến	Trưởng ban
Bà Lương Mỹ Duyên	Thành viên
Ông Võ Long Nguyên	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lệ Nguyên	Tổng Giám đốc	
Bà Vương Bửu Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Vương Ngọc Xiêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Wang Ching Hua	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Luân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Xuân Trầm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tiến Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kelly Yin Hon Wong	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mã Thanh Danh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kim Thành.

Ông Trần Lệ Nguyên được Ông Trần Kim Thành ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60752643/18592293-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 70 đến trang 115, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2736-2014-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01 - DN/HN

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.055.634.211.130	4.093.457.988.546
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.683.337.775.577	1.151.036.779.095
111	1. Tiền		165.334.267.283	120.536.779.095
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.518.003.508.294	1.030.500.000.000
120	II. Các khoản tương đương tiền	13.1	653.503.729.901	1.908.782.914.101
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.949.434.564	3.953.207.644
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(445.704.663)	(268.293.543)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		650.000.000.000	1.905.098.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	1.954.490.525.510	893.540.890.433
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		406.023.133.056	239.150.094.374
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		74.347.949.755	78.210.591.658
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		1.477.765.348.246	591.097.167.264
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.645.905.547)	(22.916.962.863)
140	IV. Hàng tồn kho	7	667.967.089.904	94.935.620.376
141	1. Hàng tồn kho		678.008.300.538	95.435.479.673
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.041.210.634)	(499.859.297)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		96.335.090.238	45.161.784.541
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	13.568.506.662	7.682.949.541
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		81.928.436.425	36.547.776.266
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	838.147.151	931.058.734
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.793.385.978.848	2.630.651.053.841
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	27.806.169.630	27.173.813.506
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		18.454.707.562	19.604.707.562
216	2. Phải thu dài hạn khác		9.351.462.068	7.569.105.944
220	II. Tài sản cố định		1.193.317.322.407	662.259.512.810
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	786.125.639.533	260.223.477.234
222	Nguyên giá		1.385.808.777.176	434.244.877.646
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(599.683.137.643)	(174.021.400.412)
227	2. Giá trị hao mòn lũy kế	11	407.191.682.874	402.036.035.576
228	Nguyên giá		457.079.992.725	439.243.824.854
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(49.888.309.851)	(37.207.789.278)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		51.194.729.721	86.912.543.211
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	51.194.729.721	86.912.543.211
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.634.742.246.014	1.740.600.933.084
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát	13.2	1.634.742.246.014	1.736.233.933.084
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		886.325.511.076	113.704.251.230
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	141.883.545.324	83.911.151.926
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.3	35.285.374.122	29.793.099.304
269	3. Lợi thế thương mại	4.3	709.156.591.630	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.849.020.189.978	6.724.109.042.387

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01 - DN/HN

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.643.350.702.455	1.358.536.776.057
310	I. Nợ ngắn hạn		1.605.193.733.300	1.302.221.009.501
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	348.434.636.059	148.144.817.026
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		27.503.484.462	4.272.596.174
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	104.158.920.838	862.351.636.378
314	4. Phải trả người lao động		97.082.897.135	28.315.019.674
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	146.768.677.940	100.106.352.319
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		666.666.672	742.424.242
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	30.938.632.294	16.419.606.267
320	8. Vay ngắn hạn	18	843.698.690.786	116.390.507.109
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.941.127.114	25.478.050.312
330	II. Nợ dài hạn		1.038.156.969.155	56.315.766.556
337	1. Phải trả dài hạn khác		17.360.374.664	10.190.291.846
338	2. Vay dài hạn	18	997.954.021.856	36.500.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		22.842.572.635	9.625.474.710
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.205.669.487.523	5.365.572.266.330
410	I. Vốn chủ sở hữu		6.205.669.487.523	5.365.572.266.330
411	1. Vốn cổ phần	19.1	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.566.533.970.000	2.566.533.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	3.192.083.261.700	3.192.083.261.700
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	19.1	159.680.000.000	-
415	4. Cổ phiếu quỹ	19.1	(1.959.484.318.538)	(1.958.652.945.062)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	51.162.916.267	51.162.916.267
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	15.909.752.661	15.909.752.661
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	1.908.706.588.263	1.398.947.279.604
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		733.551.955.291	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.175.154.632.972	1.398.947.279.604
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19.6	271.077.317.170	99.588.031.160
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.849.020.189.978	6.724.109.042.387



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02 - DN/HN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.272.416.116.876	3.234.107.464.606
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(33.640.684.377)	(93.982.717.729)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.238.775.432.499	3.140.124.746.877
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.364.532.605.025)	(1.964.677.341.321)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		874.242.827.474	1.175.447.405.556
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.548.026.247.947	6.706.586.247.768
22	7. Chi phí tài chính	22	(95.709.391.246)	(90.894.051.049)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(38.641.296.719)	(21.787.939.086)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	13.2	129.662.518.424	132.729.226.486
25	9. Chi phí bán hàng	23	(717.930.249.544)	(897.210.836.169)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(255.381.906.668)	(350.964.178.986)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.482.910.046.387	6.675.693.813.606
31	12. Thu nhập khác	26	38.601.764.837	11.148.941.897
32	13. Chi phí khác	26	(14.317.340.560)	(4.540.604.033)
40	14. Lợi nhuận khác	26	24.284.424.277	6.608.337.864
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.507.194.470.664	6.682.302.151.470
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(328.256.661.438)	(1.414.098.973.037)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.1	4.945.622.907	1.479.650.345
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.183.883.432.133	5.269.682.828.778
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		1.175.154.632.972	5.269.944.960.501
62	20. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19.6	8.728.799.161	(262.131.723)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.5	5.714	22.581
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.5	5.714	22.581

Trần Minh Nguyệt
Người lập

Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03 - DN/HN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.507.194.470.664	6.682.302.151.470
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn		78.616.411.814	174.976.445.311
03	Các khoản dự phòng		8.539.336.884	12.072.052.844
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(64.865.953)	(226.608.917)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.623.505.934.924)	(6.800.099.171.435)
06	Chi phí lãi vay		38.901.077.541	21.787.939.086
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.680.496.026	90.812.808.359
09	Tăng các khoản phải thu		(9.912.711.111)	(271.186.392.163)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(6.090.533.688)	31.715.749.858
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(25.434.497.464)	127.127.690.448
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.646.729.300)	2.848.141.549
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		3.773.080	(3.944.908.501)
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.273.393.656)	(23.078.866.372)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.950.245.559)	(81.862.133.219)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(31.132.135.681)	(27.085.699.862)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(130.755.977.353)	(154.653.609.903)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(549.476.541.544)	(226.856.370.191)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		2.239.699.660	13.361.223.668
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(50.000.000.000)	(1.935.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		1.305.098.000.000	730.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.566.054.371.341)	(93.020.570.683)
26	Tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.667.648.000.400	7.299.890.797.742
	Tiền thuế đã nộp từ thanh lý các khoản đầu tư		(1.057.762.085.703)	(500.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		117.434.411.810	177.726.288.982
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(130.872.886.718)	5.466.101.369.518

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03 - DN/HN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ		(831.373.476)	(1.322.183.110.162)
33	Tiền vay nhận được		2.824.865.891.612	1.783.168.184.628
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(1.536.346.509.254)	(2.153.596.169.230)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	19.4	(493.745.506.850)	(4.935.049.035.030)
	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	19.6	(16.503.600)	(92.001.259)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		793.925.998.432	(6.627.752.131.053)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		532.297.134.361	(1.316.304.371.438)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	1.151.036.779.095	2.467.177.548.607
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.862.121	163.601.926
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	1.683.337.775.577	1.151.036.779.095


Trần Minh Nguyệt
Người lập

Ngày 28 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng


Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tập đoàn là bán buôn thực phẩm và mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực phẩm và nước uống như nước đá, kem, sữa và các sản phẩm từ sữa; dầu ăn và kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.480 (31 tháng 12 năm 2015: 1.293).

Các công ty con

Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Lạnh KIDO (“KDF”)

KDC sở hữu 99,80% vốn chủ sở hữu trong KDF, trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KIDO, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. KDF có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)

KDC sở hữu 80% vốn chủ sở hữu trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009. TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)

KDC sở hữu 75,73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 - 536, Phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KTS”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KTS, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KTS có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con(tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm KIDO (“KIDOFOOD”)

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KIDOFOOD, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KIDOFOOD có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”)

KDC sở hữu 65% vốn chủ sở hữu của Tường An, một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà máy Dầu Tường An thuộc Công ty Dầu Thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 4 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Tường An hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các điều chỉnh sau đó. Tường An có trụ sở chính được đăng ký tại số 48/5 Đường Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên kết

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam (“Vocarimex”)

KDC sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Vocarimex, trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 452/CN-TCLĐ do Bộ Công nghiệp, (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992, hiện là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300585984 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Vocarimex là sản xuất và kinh doanh dầu mỡ động thực vật, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, chất tẩy rửa, than gáo dừa và các sản phẩm từ cây có dầu. Vocarimex có trụ sở đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Thịnh (“Phong Thịnh”)

KDC sở hữu 34% vốn chủ sở hữu trong Phong Thịnh, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKKD số 0314098268 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2016. Hoạt động chính của Phong Thịnh là kinh doanh bất động sản và xây dựng. Phong Thịnh có trụ sở chính được đăng ký tại số 436 - 438 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Liên doanh đồng kiểm soát

Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0310306044 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010. Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản. Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, số 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“ VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty (“công ty mẹ”) và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa.
-
- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.
-
- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Mối quan hệ với khách hàng	16 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 30 đến 42 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được căn trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trích lập trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Thay đổi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO (“KDF”)

Góp vốn thêm vào KDF

Trong năm 2016, Tập đoàn đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của KDF, một công ty con của Tập đoàn, lên 400.000.000.000 VNĐ. Vào ngày 28 tháng 8 năm 2016, việc góp vốn thêm bằng tiền này đã được hoàn thành.

Chuyển nhượng cổ phần trong KDF

Cùng với việc KDF được chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp thành công ty cổ phần, Tập đoàn cũng đã chuyển nhượng 0,2% tỷ lệ sở hữu trong KDF cho các cá nhân khác vào ngày 23 tháng 9 năm 2016. Việc chuyển nhượng này làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong KDF từ 100% xuống còn 99,8%. Theo đó, khoản lỗ từ việc chuyển nhượng này là 533.373.430 VNĐ được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 19.1).

Tăng vốn cổ phần của KDF từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 11 năm 2016, các cổ đông của KDF đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của KDF từ 400.000.000.000 VNĐ lên 560.000.000.000 VNĐ. Nguồn vốn tăng được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị là 160.000.000.000 VNĐ. Theo đó, phần vốn cổ phần của KDF tăng tương ứng với phần mà Tập đoàn được hưởng với số tiền là VNĐ 159.680.000.000 được ghi vào tài khoản vốn khác của chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 19.1).

4.2 Mua Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”)

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2016, Tập đoàn đã mua 12.337.130 cổ phiếu của Tường An với giá phí hợp nhất kinh doanh là 1.014.939.750.898 VNĐ, tương đương 65% tỷ lệ sở hữu trong Tường An. Theo đó, Tường An đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Tường An vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua VNĐ
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	350.733.059.557
Các khoản phải thu	88.501.433.301
Hàng tồn kho	573.356.820.995
Tài sản cố định hữu hình	128.256.244.223
Tài sản cố định vô hình	10.261.984.800
Xây dựng cơ bản dở dang	2.165.436.275
Các tài sản khác	45.558.491.855
	1.198.833.471.006
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	325.352.054.233
Các khoản vay ngắn hạn	399.983.042.353
Nợ dài hạn	12.230.897.222
	737.565.993.808
Tổng tài sản thuần	461.267.477.198
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 65%	299.823.860.179
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh	715.115.890.719
Tổng chi phí hợp nhất	1.014.939.750.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An (“Tường An”) (tiếp theo)

Kể từ ngày hợp nhất, Tường An đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 492.745.557.207 VNĐ và 26.326.037.299 VNĐ.

Các số liệu kế toán ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên giá trị hợp lý của tài sản thuần được xác định tạm thời vì Tập đoàn đang tiến hành xem xét việc định giá độc lập các giá trị hợp lý của tài sản thuần của Tường An. Do đó, kết quả của việc định giá độc lập này chưa được hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian mười (10) năm kể từ ngày mua. Chi tiết được trình bày như sau:

	VNĐ
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.647.317.929
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh 4.2)	715.115.890.719
Số cuối năm	717.763.208.648
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	2.647.317.929
Hao mòn trong năm	5.959.299.089
Số cuối năm	8.606.617.018
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	709.156.591.630

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.473.358.888	1.414.888.014
Tiền gửi ngân hàng	163.860.908.395	119.121.891.081
Các khoản tương đương tiền	1.518.003.508.294	1.030.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.683.337.775.577	1.151.036.779.095

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,0% đến 5,5% một năm.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	406.023.133.056	239.150.094.374
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.983.439	13.266.679.104
Công ty TNHH Đạt Toàn Phú	157.381.334.279	115.760.235.352
Công ty TNHH Đạt Toàn Phát	103.214.102.460	90.194.488.110
Phải thu từ khách hàng khác	145.423.712.878	19.928.691.808
Trả trước cho người bán ngắn hạn	74.347.949.755	78.210.591.658
Trong đó:		
Công ty TNHH MTV Quốc Thuận Phát	64.221.407.955	16.862.488.213
Trả trước cho người bán khác	10.126.541.800	61.348.103.445
Phải thu về cho vay ngắn hạn - Công ty TNHH TRIBECO Bình Dương	8.000.000.000	8.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.477.765.348.246	591.097.167.264
Trong đó:		
Tạm ứng để đầu tư vào cổ phần mục tiêu (*)	852.000.000.000	-
Tạm ứng để đầu tư vào Vocarimex (**)	480.746.591.000	473.750.573.417
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	112.675.000.000	-
Lãi tiền gửi phải thu	15.066.402.780	27.793.194.444
Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn tái cấu trúc và đầu tư	8.857.022.417	62.685.833.794
Các khoản khác	8.420.332.049	26.867.565.609
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.222.639.391.000	205.469.318.824
Từ các bên khác	255.125.957.246	385.627.848.440
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.645.905.547)	(22.916.962.863)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.954.490.525.510	893.540.890.433

(*) Số dư này thể hiện khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“VDS”) để mua các cổ phần mục tiêu.

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐBT ngày 1 tháng 12 năm 2014, các cổ đông của Tập đoàn đã chấp thuận kế hoạch mua thêm cổ phần của Vocarimex để tăng tỷ lệ sở hữu trong Vocarimex lên trên 51%. Số dư cuối năm thể hiện khoản tiền tạm ứng cho việc mua thêm cổ phần của Vocarimex như kế hoạch đã trình bày. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
VDS	370.639.391.000	187.635.222.000
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	110.107.200.000	110.107.200.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông	-	134.743.665.932
Khác	-	41.264.485.485
TỔNG CỘNG	480.746.591.000	473.750.573.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Tập đoàn đã sử dụng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị là 35.645.290.670 VNĐ làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh 18.1).

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.916.962.863	11.217.586.213
Dự phòng trích lập trong năm	11.645.905.547	22.916.962.863
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(22.916.962.863)	(11.217.586.213)
Số cuối năm	11.645.905.547	22.916.962.863

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	433.462.737.554	34.045.311.297
Thành phẩm	161.414.040.613	28.065.993.519
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	49.445.059.020	-
Công cụ, dụng cụ	22.440.699.391	20.524.083.515
Hàng hóa	5.577.904.169	10.661.923.380
Khác	5.667.859.791	2.138.167.962
TỔNG CỘNG	678.008.300.538	95.435.479.673
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.041.210.634)	(499.859.297)
GIÁ TRỊ THUẦN	667.967.089.904	94.935.620.376

Tập đoàn đã sử dụng hàng tồn kho với giá trị là 83.411.920.393 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1).

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	499.859.297	11.431.307.218
Tăng do mua công ty con	3.125.466.182	-
Dự phòng trích lập trong năm	8.309.967.302	3.615.519.634
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.894.082.147)	(11.431.307.218)
Thanh lý các công ty con	-	(3.115.660.337)
Số cuối năm	10.041.210.634	499.859.297

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	5.811.831.560	4.415.355.154
Công cụ và dụng cụ	4.152.375.224	2.850.293.320
Chi phí thuê	1.456.312.379	-
Khác	2.147.987.499	417.301.067
	13.568.506.662	7.682.949.541
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	117.852.461.261	59.697.963.166
Công cụ và dụng cụ	18.345.761.246	20.599.004.714
Khác	5.685.322.817	3.614.184.046
	141.883.545.324	83.911.151.926
TỔNG CỘNG	155.452.051.986	91.594.101.467

Tập đoàn đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 10.932.449.206 VNĐ và 48.988.236.576 VNĐ để làm tài sản thế chấp tương ứng cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18.1) và dài hạn (Thuyết minh 18.2) từ ngân hàng.

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng cho Công ty TNHH Hoàng Triều	18.454.707.562	19.604.707.562
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	9.351.462.068	7.569.105.944
TỔNG CỘNG	27.806.169.630	27.173.813.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

					VNĐ
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	73.900.290.879	237.197.706.733	100.013.680.700	23.133.199.334	434.244.877.646
Mua mới	152.696.657.613	194.855.723.989	27.193.802.353	5.543.676.127	380.289.860.082
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	22.974.143.468	57.164.733.186	-	-	80.138.876.654
Tăng do mua công ty con	177.507.984.981	304.751.499.588	9.895.632.136	2.534.895.071	494.690.011.776
Phân loại lại	63.082.390	106.922.339	(24.741.200)	(145.263.529)	-
Thanh lý trong năm	-	(1.347.116.737)	(1.245.655.395)	(962.076.850)	(3.554.848.982)
Số cuối năm	427.142.159.331	792.729.469.098	135.832.718.594	30.104.430.153	1.385.808.777.176
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	22.160.815.188	92.488.796.180	15.272.645.360	11.880.394.715	141.802.651.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	18.628.745.248	100.408.180.625	40.791.965.675	14.192.508.864	174.021.400.412
Khấu hao trong năm	7.286.239.750	35.637.154.441	14.685.518.016	3.329.042.096	60.937.954.303
Tăng do mua công ty con	111.639.162.522	245.717.261.553	6.943.967.687	2.133.375.791	366.433.767.553
Thanh lý trong năm	-	(271.580.719)	(772.967.425)	(665.436.481)	(1.709.984.625)
Số cuối năm	137.554.147.520	381.491.015.900	61.648.483.953	18.989.490.270	599.683.137.643
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	55.271.545.631	136.789.526.108	59.221.715.025	8.940.690.470	260.223.477.234
Số cuối năm	289.588.011.811	411.238.453.198	74.184.234.641	11.114.939.883	786.125.639.533

Tập đoàn đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng với giá trị còn lại tương ứng là 162.303.128.657 VNĐ, 261.451.653.755 VNĐ và 90.916.235 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18.1) và dài hạn (Thuyết minh 18.2) từ các ngân hàng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

					VNĐ
	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.591.966.348	350.000.648.050	50.063.419.682	22.587.790.774	439.243.824.854
Mua mới	-	-	3.644.243.540	-	3.644.243.540
Tăng do mua công ty con	-	13.671.924.331	520.000.000	-	14.191.924.331
Số cuối năm	16.591.966.348	363.672.572.381	54.227.663.222	22.587.790.774	457.079.992.725
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	-	-	789.695.060	-	789.695.060
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	8.295.983.174	148.130.847	21.704.990.641	7.058.684.616	37.207.789.278
Hao mòn trong năm	1.659.196.635	-	5.679.647.484	1.411.736.923	8.750.581.042
Tăng do mua công ty con	-	3.409.939.531	520.000.000	-	3.929.939.531
Số cuối năm	9.955.179.809	3.558.070.378	27.904.638.125	8.470.421.539	49.888.309.851
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.295.983.174	349.852.517.203	28.358.429.041	15.529.106.158	402.036.035.576
Số cuối năm	6.636.786.539	360.114.502.003	26.323.025.097	14.117.369.235	407.191.682.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng nhà máy	15.556.141.796	58.982.459.761
Lắp đặt máy móc	14.942.594.328	26.927.666.141
Nhà kho và nhà ăn cho nhân viên	12.131.555.667	-
Phát triển phần mềm	6.975.639.040	-
Khác	1.588.798.890	1.002.417.309
TỔNG CỘNG	51.194.729.721	86.912.543.211

Tập đoàn đã sử dụng tài sản gắn liền với đất được hình thành trong tương lai với giá trị tạm tính là 6.461.521.476 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.2).

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

13.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Giá trị thuần của chứng khoán kinh doanh		3.503.729.901		3.684.914.101
Cổ phiếu niêm yết	129.601	3.949.434.564	124.285	3.953.207.644
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(445.704.663)		(268.293.543)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		650.000.000.000		1.905.098.000.000
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam		650.000.000.000		1.905.000.000.000
Đầu tư khác		-		98.000.000
GIÁ TRỊ THUẦN		653.503.729.901		1.908.782.914.101

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát

	Giá trị đầu tư			
Công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VNĐ	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VNĐ
Lavenue	50,00	1.075.599.228.708	50,00	1.041.034.233.886
Vocarimex	24,00	557.143.017.306	24,00	481.798.294.599
Phong Thịnh	34,00	2.000.000.000	-	-
MKD	-	-	20,00	213.401.404.599
TỔNG CỘNG		1.634.742.246.014		1.736.233.933.084

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

					VNĐ
	Lavenue	Vocarimex	Phong Thịnh	MKD	Tổng cộng
Giá trị đầu tư					
Số đầu năm	1.050.000.000.000	421.505.599.984	-	131.999.106.614	1.603.504.706.598
Tăng giá trị đầu tư	37.500.000.000	-	2.000.000.000	-	39.500.000.000
Thanh lý công ty liên kết	-	-	-	(131.999.106.614)	(131.999.106.614)
Số cuối năm	1.087.500.000.000	421.505.599.984	2.000.000.000	-	1.511.005.599.984
Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên kết và công ty liên doanh đồng kiểm soát					
Số đầu năm	(8.965.766.114)	60.292.694.615	-	81.402.297.985	132.729.226.486
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	(2.935.005.178)	75.344.722.707	-	57.252.800.895	129.662.518.424
Thanh lý công ty liên kết	-	-	-	(138.655.098.880)	(138.655.098.880)
Số cuối năm	(11.900.771.292)	135.637.417.322	-	-	123.736.646.030
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.041.034.233.886	481.798.294.599	-	213.401.404.599	1.736.233.933.084
Số cuối năm	1.075.599.228.708	557.143.017.306	2.000.000.000	-	1.634.742.246.014

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng 22.883.510 cổ phần còn lại của Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam (“MKD”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương, cho Mondelez International AMEA Pte. Ltd, theo Hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 11 năm 2014.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	190.974.077.818	23.784.848.083
Công ty TNHH Truyền thông WPP	-	42.143.562.686
Phải trả người bán khác	157.460.558.241	82.216.406.257
TỔNG CỘNG	348.434.636.059	148.144.817.026

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ				
	Số đầu năm	Tăng do mua công ty con	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	857.214.406.252	1.294.738.253	328.256.661.438	(1.093.712.331.262)	93.053.474.681
Thuế giá trị gia tăng	2.958.016.360	-	138.146.183.355	(141.094.055.228)	10.144.487
Các loại thuế khác	1.248.155.032	95.316.192	63.291.602.587	(54.377.919.292)	10.257.154.519
TỔNG CỘNG	861.420.577.644	1.390.054.445	529.694.447.380	(1.289.184.305.782)	103.320.773.687
Trong đó:					
Thuế nộp thừa	(931.058.734)				(838.147.151)
Thuế phải nộp	862.351.636.378				104.158.920.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiếp thị	70.798.343.979	45.786.222.262
Phí tư vấn	43.199.629.782	6.712.164.896
Lương tháng 13 và thưởng	16.185.629.622	9.023.620.580
Chi phí lãi vay	10.458.036.289	90.133.226
Phí vận chuyển	705.379.460	759.827.047
Thuế và phí chuyển quyền sử dụng đất	-	34.594.000.000
Khác	5.421.658.808	3.140.384.308
TỔNG CỘNG	146.768.677.940	100.106.352.319

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	5.426.334.300	5.516.049.750
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	4.325.640.574	2.292.784.980
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.186.657.420	8.610.771.537
TỔNG CỘNG	30.938.632.294	16.419.606.267
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	4.064.093.052
Các bên khác	30.938.632.294	12.355.513.215

18. VAY

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	645.853.690.786	116.390.507.109
Vay dài hạn đến hạn trả	197.845.000.000	-
	843.698.690.786	116.390.507.109
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	206.314.241.034	36.500.000.000
Trái phiếu thường trong nước	791.639.780.822	-
	997.954.021.856	36.500.000.000
TỔNG CỘNG	1.841.652.712.642	152.890.507.109

18. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VNĐ	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	116.390.507.109	36.500.000.000
Tăng do mua công ty con	399.983.042.353	-
Tiền thu từ đi vay	1.651.226.650.578	1.173.639.241.034
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	212.445.000.000	(212.445.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	259.780.822
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.536.346.509.254)	-
Số cuối năm	843.698.690.786	997.954.021.856

18.1 Các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	272.523.774.208	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2017 đến ngày 15 tháng 3 năm 2017	4,3 - 4,9	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	137.400.529.244	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2017	5,4	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị thuộc Dự án Phù Đồng lần lượt trị giá 33.516.043.128 VNĐ và 86.399.246.036 VNĐ (Thuyết minh số 10); quyền sử dụng đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi với giá trị còn lại trị giá 10.932.449.206 VNĐ (Thuyết minh số 8); giá trị hàng tồn kho tại kho Củ Chi trị giá 83.411.920.393 VNĐ (Thuyết minh số 7); và khoản phải thu trị giá 35.645.290.670 VNĐ (Thuyết minh số 6)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	78.000.000.000	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2017 đến ngày 26 tháng 3 năm 2017	3,5 - 5,0	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	74.017.493.031	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2017 đến ngày 24 tháng 4 năm 2017	6,2 - 6,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	44.695.600.597	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2017 đến ngày 24 tháng 4 năm 2017	6,3	Tín chấp
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	24.767.518.906	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2017 đến ngày 8 tháng 3 năm 2017	5,5	Tín chấp
Ngân hàng Hong Kong và Thượng Hải	14.448.774.800	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2017 đến ngày 22 tháng 2 năm 2017	4,2	Tín chấp
TỔNG CỘNG	645.853.690.786			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay dài hạn

Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng nhà máy mới tại Bắc Ninh. Số cuối năm được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	184.414.241.034	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2021 đến ngày 25 tháng 10 năm 2021	6,5	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, và thiết bị và dụng cụ quản lý thuộc nhà máy Bắc Ninh lần lượt trị giá 128.787.085.529 VNĐ; 117.306.090.838 VNĐ và 90.916.235 VNĐ (Thuyết minh số 10); xây dựng cơ bản dở dang trị giá 6.461.521.476 VNĐ (Thuyết minh số 12); và quyền sử dụng đất tại Bắc Ninh với giá trị còn lại VNĐ 48.988.236.576 (Thuyết minh số 8);
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	21.900.000.000	Từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2018	6,5 - 7,0	Máy móc, thiết bị trị giá 57.746.316.881 VNĐ (Thuyết minh số 10)
TOTAL	206.314.241.034			

18.3 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết của các trái phiếu này vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Quận 1 ("VIB")	Ngày 18 tháng 11 năm 2016	1.000.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu		(10.515.219.178)
TỔNG CỘNG		989.484.780.822
Trong đó:		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả		197.845.000.000
Vay dài hạn trái phiếu		791.639.780.822

18. VAY (tiếp theo)

18.3 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2016, Tập đoàn đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 1.000 tỷ VNĐ (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VNĐ) do VIB đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau năm (5) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 8,5%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng Đồng Việt Nam được công bố tại bốn (4) ngân hàng tham chiếu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("VCB"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") và VIB cộng với biên độ 2,5%/năm. Công ty cam kết mua lại trái phiếu trước hạn kể từ ngày phát hành theo với tỷ lệ như sau:

- tối thiểu 20% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 40% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 60% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày phát hành;
- tối thiểu 80% giá trị trái phiếu phát hành vào ngày tròn bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành; và
- giá trị trái phiếu phát hành còn lại vào ngày tròn sáu mươi (60) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trái phiếu này được sở hữu bởi VIB.

Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của một vài công ty con của Tập đoàn.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

								VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:								
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.274.294.092.589	-	(805.826.191.900)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.084.533.422.015	6.186.607.961.632
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.152.826.753.162)	-	-	-	(1.152.826.753.162)
Thanh lý các công ty con	-	(82.210.830.889)	-	-	-	-	-	(82.210.830.889)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.269.944.960.501	5.269.944.960.501
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(4.938.383.961.000)	(4.938.383.961.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(6.285.141.912)	(6.285.141.912)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(10.862.000.000)	(10.862.000.000)
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	-	(1.958.652.945.062)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.398.947.279.604	5.265.984.235.170
Năm nay:								
Số đầu năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	-	(1.958.652.945.062)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.398.947.279.604	5.265.984.235.170
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(831.373.476)	-	-	-	(831.373.476)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.175.154.632.972	1.175.154.632.972
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	-	(533.373.430)	(533.373.430)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(11.595.212.483)	(11.595.212.483)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	-	-	(493.586.738.400)	(493.586.738.400)
Công ty con tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con (Thuyết minh số 4.1)	-	-	159.680.000.000	-	-	-	(159.680.000.000)	-
Số cuối năm	2.566.533.970.000	3.192.083.261.700	159.680.000.000	(1.959.484.318.538)	51.162.916.267	15.909.752.661	1.908.706.588.263	5.934.592.170.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	2.566.533.970.000	2.566.533.970.000

19.3 Cổ phiếu

	Share	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	256.653.397	256.653.397
Cổ phiếu quỹ do Tập đoàn nắm giữ	(50.992.335)	(50.992.335)
Trong đó: được nắm giữ bởi Công ty	(50.992.256)	(50.992.256)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	205.661.062	205.661.062

19.4 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức công bố trong năm	493.586.738.400	4.938.383.961.000
(i) Cổ tức năm 2015: 1.400 VNĐ/cổ phiếu	205.661.141.000	-
(ii) Cổ tức năm 2014: 1.000 VNĐ/cổ phiếu (Tạm ứng cổ tức 2014: 1.000 VNĐ/cổ phiếu)	287.925.597.400	235.161.141.000
(iii) Cổ tức đặc biệt: 20.000 VNĐ/cổ phiếu	-	4.703.222.820.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	493.745.506.850	4.935.049.035.030

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	1.175.154.632.972	5.269.944.960.501
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ)	-	(6.285.141.912)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	1.175.154.632.972	5.263.659.818.589
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	205.661.062	233.105.116
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.714	22.581
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.714	22.581

(Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ)
Tập đoàn không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	99.588.031.160	101.083.227.966
Tăng do mua công ty con	161.443.617.019	-
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	8.728.799.161	(262.131.723)
Thanh lý công ty con	1.333.373.430	(1.141.063.824)
Cổ tức đã trả	(16.503.600)	(92.001.259)
Số cuối năm	271.077.317.170	99.588.031.160

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.272.416.116.876	3.234.107.464.606
Trong đó:		
Doanh thu thành phẩm đã bán	1.932.133.357.111	2.598.063.094.381
Doanh thu hàng hóa đã bán	339.740.601.173	631.411.708.473
Doanh thu cung cấp dịch vụ	542.158.592	4.632.661.752
Trong đó:		
Các bên liên quan	728.094.524	392.634.524
Các bên khác	2.271.688.022.352	3.233.714.830.082
Giảm trừ doanh thu	(33.640.684.377)	(93.982.717.729)
Trong đó:		
Giảm giá hàng bán	(17.106.354.538)	(68.213.415.455)
Hàng bán bị trả lại	(16.534.329.839)	(25.769.302.274)
DOANH THU THUẦN	2.238.775.432.499	3.140.124.746.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.435.823.509.528	6.523.061.602.306
Lãi tiền gửi	104.419.054.812	176.753.273.339
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.419.475.750	6.460.697.985
Khác	364.207.857	310.674.138
TỔNG CỘNG	1.548.026.247.947	6.706.586.247.768

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.052.496.316.315	1.526.676.879.150
Giá vốn của hàng hóa đã bán	301.302.471.763	432.392.992.690
Dự phòng(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	10.574.789.160	(7.815.787.584)
Khác	159.027.787	13.423.257.065
TỔNG CỘNG	1.364.532.605.025	1.964.677.341.321

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Phí tư vấn tài chính	47.082.548.477	51.609.786.406
Chi phí lãi vay	38.641.296.719	21.787.939.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.581.216.450	14.337.635.683
Khác	1.404.329.600	3.158.689.874
TỔNG CỘNG	95.709.391.246	90.894.051.049

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Quảng cáo và khuyến mãi	279.018.248.262	299.559.730.302
Lương nhân viên	218.279.098.679	272.010.578.232
Chi phí mua ngoài	166.792.324.116	158.286.853.600
Khấu hao và hao mòn	15.291.153.766	38.844.551.267
Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	60.404.832.599
Khác	38.549.424.721	68.104.290.169
TỔNG CỘNG	717.930.249.544	897.210.836.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên	113.664.540.325	120.295.832.495
Chi phí mua ngoài	74.563.922.442	71.172.395.743
Phí thuê và bảo trì	28.630.710.679	44.390.199.645
Khấu hao và hao mòn	24.088.829.728	82.617.380.977
Dự phòng phải thu khó đòi	4.008.896.485	18.263.938.891
Khác	10.425.007.009	14.224.431.235
TỔNG CỘNG	255.381.906.668	350.964.178.986

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	748.263.591.397	1.340.474.918.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	448.577.957.008	541.844.193.320
Chi phí nhân công	393.711.294.258	574.035.172.194
Giá vốn hàng hóa	309.794.184.108	432.392.992.690
Chi phí khấu hao và hao mòn	75.647.834.434	174.976.445.311
Chi phí khác	361.849.900.032	149.128.634.801
TỔNG CỘNG	2.337.844.761.237	3.212.852.356.476

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	38.601.764.837	11.148.941.897
Hoàn nhập thuế thay đổi mục đích sử dụng đất phải trả	34.594.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	394.835.303	3.007.653.736
Thu nhập khác	3.612.929.534	8.141.288.161
Chi phí khác	(14.317.340.560)	(4.540.604.033)
Chi phí thuê đất	(8.318.467.544)	-
Chi phí khác	(5.998.873.016)	(4.540.604.033)
GIÁ TRỊ THUẦN	24.284.424.277	6.608.337.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trong năm, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%), ngoại trừ thu nhập chịu thuế từ dự án Phù Đồng II sản xuất kem và sữa chua theo Giấy chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 41221000330 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2010 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm 2016 và giảm 50% thuế TNDN trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	327.210.557.812	1.397.629.407.050
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.046.103.626	16.469.565.987
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.945.622.907)	(1.479.650.345)
TỔNG CỘNG	323.311.038.531	1.412.619.322.692

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.507.194.470.664	6.682.302.151.470
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	301.438.894.133	1.470.106.473.323
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	36.904.440.244	18.237.110.235
Phân bổ lợi thế thương mại	1.191.859.818	4.533.999.926
Khấu trừ của tài sản cố định vô hình định giá lại từ các hợp nhất kinh doanh	614.186.712	2.693.514.181
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(25.932.503.685)	(29.200.429.827)
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ công ty con	-	(44.000.000.000)
Khác	8.048.057.683	(26.220.911.133)
Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm	322.264.934.905	1.396.149.756.705
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	1.046.103.626	16.469.565.987
Chi phí thuế TNDN	323.311.038.531	1.412.619.322.692

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TDNN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	25.910.560.390	26.181.389.754	744.495.934	3.850.261.468
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.561.852.378	1.925.094.942	2.636.757.436	(1.625.797.704)
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	1.600.000.000	-	(160.000.000)
Khác	3.212.961.354	86.614.608	1.564.369.537	(584.813.419)
TỔNG CỘNG	35.285.374.122	29.793.099.304	4.945.622.907	1.479.650.345

Chi tiết tình hình tăng (giảm) tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.793.099.304	35.823.601.560
Tăng do mua công ty con	546.651.911	-
Thanh lý công ty con	-	(7.510.152.601)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại trong năm	4.945.622.907	1.479.650.345
Số cuối năm	35.285.374.122	29.793.099.304

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty có liên quan trong năm được trình bày như sau:

VNĐ				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	(1.604.843.336.480)	-
		Thu hồi tạm ứng	566.990.569.980	-
		Phí giao dịch chứng khoán	(3.529.423.751)	-
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(418.845.202.870)	(165.583.676.230)
		Phí gia công	(8.006.306.748)	(6.158.610.410)
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("GHC")	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(50.896.235.501)	(73.215.544.000)
		Phí gia công	(2.560.831.264)	(2.164.329.253)
		Mua hàng hóa	-	(3.236.511.446)
Công ty Cổ phần Địa ốc KIDO ("KDL")	Công ty liên quan	Cho thuê văn phòng	2.560.606.060	2.227.272.727
Phong Thịnh	Công ty liên kết	Góp vốn	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH Một Thành viên Kinh Đô Miền Bắc ("NKD")	Công ty liên kết trước đây	Mua thành phẩm	(484.235.625)	(27.107.324.069)
Công ty Cổ Phần Bao Bì Dầu Thực Vật ("VMPACK")	Công ty liên quan	Mua bao bì	(374.427.860)	-
Công ty TNHH Đầu tư KIDO ("KDI")	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	(60.077.763.508)
MKD	Công ty liên kết trước đây	Phí thuê và bảo trì	-	2.411.371.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

VNĐ				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Vocarimex	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu	3.423.419	-
GHC	Công ty liên quan	Bán nguyên vật liệu	560.020	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm KIDO Sài Gòn ("KDS")	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ	-	13.237.762.029
NKD	Công ty liên kết trước đây	Bán thành phẩm	-	28.917.075
			3.983.439	13.266.679.104
Phải thu ngắn hạn khác				
VDS	Công ty liên quan	Tạm ứng để đầu tư	1.222.639.391.000	187.635.222.000
KDS	Công ty liên quan	Chi hộ	-	16.462.654.547
MKD	Công ty liên kết trước đây	Thanh lý tài sản cố định	-	910.644.505
		Chi hộ	-	460.247.772
NKD	Công ty liên kết trước đây	Chi hộ	-	550.000
			1.222.639.391.000	205.469.318.824
Phải trả người bán ngắn hạn				
Vocarimex	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	(190.540.650.040)	(11.627.814.504)
VMPACK	Công ty liên quan	Mua bao bì	(411.870.646)	-
KDL	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	(19.800.000)	-
GHC	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu và phí gia công	(1.757.132)	(6.886.916.908)
NKD	Công ty liên kết trước đây	Mua hàng hóa	-	(5.177.066.842)
KDS	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	-	(90.721.430)
MKD	Công ty liên kết trước đây	Mua thành phẩm	-	(2.328.399)
			(190.974.077.818)	(23.784.848.083)
Phải trả ngắn hạn khác				
KDI	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	-	(3.081.651.684)
MKD	Công ty liên kết trước đây	Chi hộ	-	(982.441.368)
			-	(4.064.093.052)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	36.007.932.759	28.994.381.810

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toánnăm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	91.479.199.984	56.889.724.624
Từ 1 đến 5 năm	181.063.246.696	125.387.350.339
Trên 5 năm	82.289.121.475	67.052.173.336
TỔNG CỘNG	354.831.568.155	249.329.248.299

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có cam kết với số tiền là 164.500.000.000 VNĐ liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm và dầu ăn, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	VNĐ		
	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm nay			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.951.880.777.166	320.535.339.710	2.272.416.116.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	(21.029.870.888)	(12.610.813.489)	(33.640.684.377)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	303.446.150.897	67.272.727	303.513.423.624
	2.234.297.057.175	307.991.798.948	2.542.288.856.123
Đối chiếu:			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(303.513.423.624)
Doanh thu trong năm			2.238.775.432.499
Lợi nhuận bộ phận	1.535.170.009.952	(87.793.998.292)	1.447.376.011.660
Đối chiếu:			
Lãi tiền gửi			104.419.054.812
Chi phí lãi vay			(38.641.296.719)
Hao mòn lợi thế thương mại			(5.959.299.089)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			1.507.194.470.664
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và hao mòn	75.312.078.901	335.755.533	75.647.834.434
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(11.115.463.447)	(155.593.869)	(11.271.057.316)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.415.885.155	-	6.415.885.155
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	177.411.120	-	177.411.120
Tài sản bộ phận	8.465.283.147.659	2.112.668.031	8.467.395.815.690
Đối chiếu:			
Phải thu nội bộ			(327.532.217.342)
Tài sản không phân bổ			709.156.591.630
Tổng tài sản			8.849.020.189.978
Nợ phải trả bộ phận	2.643.204.513.909	327.678.405.888	2.970.882.919.797
Đối chiếu:			
Phải trả nội bộ			(327.532.217.342)
Tổng nợ phải trả			2.643.350.702.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

VNĐ

	Khu vực miền Nam	Khu vực miền Bắc	Tổng cộng
Năm trước			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	2.006.613.807.372	1.227.493.657.234	3.234.107.464.606
Các khoản giảm trừ doanh thu	(59.858.341.957)	(34.124.375.772)	(93.982.717.729)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	510.821.332.656	3.550.161.529	514.371.494.185
	2.457.576.798.071	1.196.919.442.991	3.654.496.241.062
Đối chiếu:			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(514.371.494.185)
Doanh thu trong năm			3.140.124.746.877
Lợi nhuận bộ phận	6.452.866.767.550	95.079.140.238	6.547.945.907.788
Đối chiếu:			
Lãi tiền gửi			176.753.273.339
Chi phí lãi vay			(21.787.939.086)
Hao mòn lợi thế thương mại			(20.609.090.571)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6.682.302.151.470
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và hao mòn	145.995.554.660	28.980.890.651	174.976.445.311
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	18.292.158.022	(28.219.131)	18.263.938.891
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.320.572.518)	(495.215.066)	(7.815.787.584)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	262.700.000	-	262.700.000
Tài sản bộ phận	6.906.919.650.333	2.049.213.908	6.908.968.864.241
Đối chiếu:			
Phải thu bộ phận			(184.859.821.854)
Tổng tài sản			6.724.109.042.387
Nợ phải trả bộ phận	1.358.157.500.528	185.239.097.383	1.543.396.597.911
Đối chiếu:			
Phải trả bộ phận			(184.859.821.854)
Tổng nợ phải trả			1.358.536.776.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09 - DN/HN

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	68.249	89.808
- Nhân dân tệ (CNY)	23.200	-
- Euro (EUR)	2.710	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VNĐ)	11.029.828.811	-

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Minh Nguyệt
Người lập



Nguyễn Thị Oanh
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



KIDO GROUP

138 - 142 Hai Bà Trưng,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

[t] : (08-8) 3827 0468

[f] : (08-8) 3827 0469

[e] : info@kdc.vn

www.kdc.vn

